

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- * Tên công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam
- * Mã chứng khoán: PCT
- * Trụ sở chính: Khu dịch vụ số 04, Tầng 6, Tháp R2, Cao ốc The Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.
- * Điện thoại: (84.28) 62582330 Fax: (84.28) 62582334
- * Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đặng Thị Phương (Người được ủy quyền Công bố thông tin)
- * Loại thông tin công bố:
 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

* Nội dung công bố thông tin:
Công ty công bố thông tin sửa đổi bổ sung Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/02/2024 tại đường dẫn www.pct.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Lưu: ĐH.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



ĐẶNG THỊ PHƯƠNG



TỜ TRÌNH

Về việc Phê duyệt nội dung chương trình ĐHCĐ thường niên năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và phê duyệt các nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như sau:

a. Trình bày các báo cáo tại Đại hội:

- Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của HĐQT.
- Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát.
- Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Giám đốc.
- Báo cáo thực hiện Kế hoạch đầu tư tài sản theo Nghị quyết số 03/NQ-PCT-ĐHCĐ ngày 25/10/2022 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022.
- Báo cáo thực hiện phương án phát hành cổ phiếu huy động vốn đầu tư tài và tăng vốn điều lệ và điều chỉnh phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành thêm cổ phiếu.

b. Các tờ trình tại đại hội:

- Tờ trình về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2023 và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023.
- Tờ trình về việc trích lập các quỹ năm 2023.
- Tờ trình về việc Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024



4. Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 và Kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024.
5. Tờ trình việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.
6. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028
7. Tờ trình về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và đổi tên công ty.
8. Tờ trình về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư 01 tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC có sức chứa 75.000-80.000 CBM (trọng tải khoảng 45.000-50.000 DW) Quý II năm 2024.
9. Tờ trình về việc Tăng vốn và phê duyệt Phương án Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
10. Nội dung khác (nếu có)

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THỊ NGỌC ĐẸP





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam xin trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 như sau:

1. Thành phần Hội đồng quản trị năm 2023:

Hội đồng quản trị từ 01/01/2023 đến 01/06/2023 bao gồm các thành viên:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp - Chủ tịch HĐQT;
2. Bà Lê Thị Mai- Thành viên HĐQT;
3. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thành viên HĐQT;
4. Ông Nguyễn Sơn Lâm- Thành viên HĐQT;
5. Ông Phạm Ngọc Hà- Thành viên HĐQT;

Ngày 09/05/2023, Ông Phạm Ngọc Hà có Đơn xin từ nhiệm. Đến ngày 02/06/2023, ĐHCĐ đã phê duyệt việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Phạm Ngọc Hà. Tại ĐHCĐ thường niên 2023 ngày 02/06/2023, ĐHCĐ đã bầu Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp - Chủ tịch HĐQT;
2. Bà Lê Thị Mai- Thành viên HĐQT;
3. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thành viên HĐQT;
4. Ông Nguyễn Sơn Lâm- Thành viên HĐQT;
5. Ông Lê Hoàng Phương- Thành viên HĐQT;
6. Ông Hoàng Anh Quân- Thành viên HĐQT;

2. Thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị và quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và bộ máy điều hành

Các thành viên HĐQT đã triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và xin ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2023; chỉ đạo, giám sát hoạt động của Giám đốc thông qua các Nghị quyết của HĐQT. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết phê duyệt chỉ đạo các nội dung:

- Phê duyệt, giao nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 cho Giám đốc thực hiện.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD thông qua các văn bản, báo cáo của Ban giám đốc gửi HĐQT.
- Giám sát triển khai việc thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 02/06/2023 và xin ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 28/09/2023, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội.
- Phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.
- Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C cho năm tài chính 2023.



- Đối với công tác cán bộ, HĐQT đã phê duyệt bổ nhiệm cán bộ chủ chốt.
- Các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các báo cáo và các phiên họp của HĐQT.

3. Đánh giá chung về tình hình hoạt động của Công ty:

- Năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư đối với tàu ORION và LOYAL như kế hoạch được duyệt tại ĐHCĐ bất thường lần 2 năm 2022
- Lĩnh vực quản lý tàu, tư vấn quản lý tàu: Năm 2023, Công ty vẫn duy trì và phát triển tốt các hoạt động về quản lý và tư vấn quản lý tàu. So với năm 2022 thì năm 2023 Công ty đã thu hút thêm được các đối tác mới.
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo an toàn dòng tiền, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

*** Công tác quản lý:**

- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015: duy trì hệ thống các quy trình, tài liệu theo quy định của hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của công ty.
- Tiếp tục thực hiện kế hoạch xây dựng văn hoá doanh nghiệp công ty.
- Công ty tiếp tục thực hành tiết kiệm và tuyên truyền cho người lao động ý thức tiết kiệm.
- Chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước, các quyết định, chỉ đạo của HĐQT, Điều lệ và các quy chế quản lý của công ty.
- HĐQT đã chỉ đạo các biện pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình kinh doanh, dịch vụ và đưa các giải pháp kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Các nghị quyết của HĐQT được Ban điều hành công ty thực hiện đúng và đầy đủ.

*** Các chỉ tiêu kinh tế:**

- Chỉ tiêu Tổng doanh thu đạt 409.437 triệu đồng, hoàn thành 130% kế hoạch đặt ra;
- Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 47,108 triệu đồng, hoàn thành 182% kế hoạch đặt ra;
- Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế đạt 37.724 triệu đồng, hoàn thành 183% kế hoạch đặt ra.

(Chi tiết xem tại Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2023 của Giám đốc Công ty)

Như vậy, trong điều kiện kinh tế phục hồi sau dịch còn nhiều khó khăn, cũng như các diễn biến phức tạp về chính trị trong nước cũng như trên thế giới, có thể thấy Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty trong năm 2023 đã nỗ lực hết sức để hoàn thành chức trách nhiệm vụ. Đó là thành quả lao động xứng đáng với sự cố gắng không ngừng nghỉ của tập thể lãnh đạo và người lao động, đặc biệt là khối thuyền viên đã chịu rất nhiều áp lực trong quá trình công tác.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Theo nhận định của HĐQT, năm 2024 là năm thách thức và khó đoán. Các nhà phân tích chỉ ra mặc dù tốc độ tăng trưởng toàn cầu được dự báo sẽ chậm hơn vào năm 2024, nhưng điều tồi tệ nhất có lẽ đã qua và các trở lực dự kiến sẽ giảm, nhiều tổ chức tài chính và các hãng truyền thông lớn tiếp tục đưa ra các dự báo tích cực về triển vọng kinh tế Việt Nam năm nay. Trong đó, nhấn mạnh tới việc Việt Nam hiện vẫn đang là một điểm đến thu hút đầu tư nước ngoài, các tổ chức quốc tế và các chuyên gia vẫn lạc quan với về bức tranh tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2024.

Do đó, để thực hiện thành công kế hoạch và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024, HĐQT chỉ đạo, giám sát và phối hợp chặt chẽ cùng Ban điều hành xây dựng và triển khai hiệu quả với các giải pháp sau:

- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban Điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2024 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Tờ trình về việc Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.
- Theo sát kế hoạch đầu tư tài sản đảm bảo đạt hiệu quả.
- Giữ vững hoạt động quản lý và tư vấn quản lý tàu bằng cách tìm kiếm và mở rộng đối tác khách hàng.
- Tiếp tục chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định, định mức và quản lý chi phí nhằm tăng cường công tác quản lý.
- Chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh mới và xu thế phát triển của công ty trong tương lai.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quan tâm đến quyền lợi, điều kiện làm việc cho người lao động.
- Quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2024.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THỊ NGỌC ĐẸP





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM
BAN KIỂM SOÁT

Số: 02/2024/BC-PCT-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày 23 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Thay mặt Ban Kiểm soát (BKS), tôi xin báo cáo trước Đại hội kết quả công tác kiểm tra giám sát năm 2023 và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2024 như sau:

PHẦN A

KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2023

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Về tổ chức

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt gồm có 03 thành viên, trong đó 01 Trưởng ban phụ trách chung và 02 thành viên thực hiện giám sát theo dõi các hoạt động theo sự phân công của Trưởng BKS.

Nhân sự BKS gồm có:

- Bà Đặng Thị Dung, Trưởng BKS (kiêm nhiệm);
- Bà Vũ Thị Thanh Thanh, thành viên (kiêm nhiệm);
- Bà Đào Ngọc Mai, thành viên (kiêm nhiệm).

2. Hoạt động của từng thành viên BKS

a. Hoạt động của Trưởng BKS - Đặng Thị Dung (kiêm nhiệm):

- Giám sát hoạt động tài chính của Công ty; thẩm tra các báo cáo tài chính quý, giữa niên độ và năm;
- Báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên;
- Chịu trách nhiệm đôn đốc thành viên BKS triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của BKS. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong BKS, triệu tập và chủ trì các cuộc họp BKS;
- Ủy quyền cho thành viên BKS đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt;
- Đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;
- Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của BKS được gửi đến ĐHĐCĐ;

- Tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng ban hành các quy chế, quy định của công ty và các vấn đề khác khi được HĐQT xin ý kiến;

- Các công việc phát sinh khác.

b. Bà Vũ Thị Thanh Thanh - Thành viên BKS (kiêm nhiệm):

- Xem xét, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, hàng năm và kế hoạch 05 năm của Công ty;

- Tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch 05 năm và chiến lược phát triển của công ty;

- Có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng ban hành các quy chế, quy định của công ty và các vấn đề khác khi được HĐQT đơn vị xin ý kiến;

- Định kỳ hàng quý/năm gửi các báo cáo về nội dung được phân công về Trưởng BKS để tổng hợp báo cáo ĐHĐCĐ công ty;

- Các công việc khác theo phân công của Trưởng BKS.

c. Bà Đào Ngọc Mai - Thành viên BKS (kiêm nhiệm):

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phân chia cổ tức hàng năm;

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

- Giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật, nội quy, quy định của Công ty đối với tất cả cán bộ, nhân viên của Công ty trừ những trường hợp nêu tại mục a trên đây;

- Xem xét kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư và quyết toán vốn đầu tư;

- Xem xét tính hợp lý, tính tuân thủ các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;

- Xem xét kiểm tra công tác ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế;

- Có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng ban hành các quy chế, quy định của công ty và các vấn đề khác khi được HĐQT đơn vị xin ý kiến;

- Định kỳ hàng quý/năm gửi các báo cáo về nội dung được phân công về Trưởng BKS để tổng hợp báo cáo ĐHĐCĐ công ty;

- Các công việc khác theo phân công của Trưởng BKS.

3. Hoạt động của BKS

3.1. Nội dung công tác Kiểm soát của BKS

- Trong năm 2023, BKS đã tiến hành họp 04 lần để bàn về các nội dung:

- + Ngày 07/03/2023: họp thống nhất thông qua kết quả hoạt động 2022, báo cáo kiểm toán 2022.

- + Ngày 09/05/2023: họp thống nhất thông qua báo cáo BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2023;

+ Ngày 02/06/2023: *Họp bầu trưởng ban Kiểm soát.*
 + Ngày 21/07/2023: *họp thống nhất kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 theo Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng 2023 của Kiểm toán;*

- BKS đã hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:

+ *BKS đã thực hiện việc giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; việc tuân thủ Điều lệ; giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, pháp luật Nhà nước;*

+ *Đánh giá, giám sát các thông tin trên Báo cáo tài chính của Công ty theo các chế độ tài chính kế toán hiện hành;*

+ *Thẩm định Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn;*

+ *Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập;*

+ *Kiểm soát việc xây dựng, ban hành và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.*

3.2. Kiểm soát hoạt động quản lý và điều hành Công ty

a. Thành phần Hội đồng quản trị:

Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023, Hội đồng quản trị Công ty có sự thay đổi như sau:

STT	TV.HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	CT. HĐQT	08/11/2021	
2	Bà Lê Thị Mai	TV. HĐQT, Giám đốc	31/08/2022	
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	TV. HĐQT	08/11/2021	
4	Ông Lê Hoàng Phương	TV. HĐQT	02/06/2023	
5	Ông Nguyễn Sơn Lâm	TV. HĐQT	25/10/2022	
6	Ông Hoàng Anh Quân	TV. HĐQT	02/06/2023	
7	Ông Phạm Ngọc Hà	TV. HĐQT		02/06/2023

b. Tình hình họp HĐQT:

Trong năm 2023, các HĐQT Công ty tiến hành họp tổng cộng 22 buổi, chi tiết về tình hình tham dự họp của các thành viên HĐQT Công ty trong năm 2023 cụ thể như sau:

STT	TV.HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	22	100%	
2	Bà Lê Thị Mai	22	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	22	100%	
4	Ông Lê Hoàng Phương	11	100%	Được bổ nhiệm từ ngày 02/06/2023
5	Ông Nguyễn Sơn Lâm	22	100%	
6	Ông Hoàng Anh Quân	11	100%	Được bổ nhiệm từ ngày 02/06/2023
7	Ông Phạm Ngọc Hà	11	100%	Đã miễn nhiệm

c. Tình hình ban hành các Nghị quyết, quyết định:

Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã ban hành tổng cộng 26 Nghị quyết và Quyết định về tình hình SXKD của Công ty, cụ thể như sau:

TT	Số NQ/QĐ	Ngày ban hành	Loại văn bản	Nội dung
1	1/NQ-PCT-HĐQT	10-1-2023	Nghị quyết	Phê duyệt đầu tư tàu MT Bass
2	2/NQ-PCT-HĐQT	10-1-2023	Nghị quyết	Phê duyệt nhận cấp tín dụng từ Bảo Việt Bank
3	3/NQ-PCT-HĐQT	21-2-2023	Nghị quyết	Phê duyệt chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
4	4/NQ-PCT-HĐQT	28-2-2023	Nghị quyết	Phê duyệt miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc đối với ông Nguyễn Sơn Lâm

TT	Số NQ/QĐ	Ngày ban hành	Loại văn bản	Nội dung
5	5/NQ-PCT-HĐQT	28-2-2023	Nghị quyết	Phê duyệt lựa chọn loại tàu đầu tư và điều chỉnh tỉ lệ nguồn vốn đầu tư đối với tàu số 3 đã được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022
6	6/NQ-PCT-HĐQT	28-2-2023	Nghị quyết	Phê duyệt triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty, Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán
7	7/NQ-PCT-HĐQT	6-3-2023	Nghị quyết	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
8	8/NQ-PCT-HĐQT	6-3-2023	Nghị quyết	Hủy chốt danh sách cổ đông
9	9/NQ-PCT-HĐQT	3-4-2023	Nghị quyết	Phê duyệt điều chỉnh Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
10	10/NQ-PCT-HĐQT	3-4-2023	Nghị quyết	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
11	11/NQ-PCT-HĐQT	13-4-2023	Nghị quyết	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023
12	12/NQ-PCT-HĐQT	19-4-2023	Nghị quyết	Đính chính thông tin tài liệu được phê duyệt thông qua đại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022
13	13/NQ-PCT-HĐQT	24-5-2023	Nghị quyết	Triển khai tìm kiếm tàu số 3
14	14/NQ-PCT-HĐQT	2-6-2023	Nghị quyết	Bầu Chủ tịch HĐQT
15	15/NQ-PCT-HĐQT	13-6-2023	Nghị quyết	Quy lương và định biên lao động 2023
16	16/NQ-PCT-HĐQT	29-6-2023	Nghị quyết	Thay đổi logo
17	17/NQ-PCT-HĐQT	12-7-2023	Nghị quyết	Miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty đối với bà Nguyễn Diệu Hoa

TT	Số NQ/QĐ	Ngày ban hành	Loại văn bản	Nội dung
18	18/NQ-PCT-HĐQT	12-7-2023	Nghị quyết	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty đối với bà Nguyễn Thị Phương Thủy
19	19/NQ-PCT-HĐQT	24-7-2023	Nghị quyết	Phê duyệt đầu tư tàu loyal
20	20/NQ-PCT-HĐQT	28-7-2023	Nghị quyết	Phê duyệt cơ cấu vay và lựa chọn ngân hàng tài trợ đầu tư tàu Loyal
21	21/NQ-PCT-HĐQT	17-8-2023	Nghị quyết	Phê duyệt phương án lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
22	22/NQ-PCT-HĐQT	21-8-2023	Nghị quyết	Điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng
23	23/NQ-PCT-HĐQT	7-9-2023	Nghị quyết	Thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam
24	24/NQ-PCT-HĐQT	11-9-2023	Nghị quyết	Thông qua kế hoạch và tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng vb
25	25/NQ-PCT-HĐQT	11-9-2023	Nghị quyết	Về việc thành lập Ban kiểm phiếu và Giám sát kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
26	26/NQ-PCT-HĐQT	26-12-2023	Nghị quyết	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023

3.3. Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty

a. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Năm 2023 thực sự là một năm khó khăn cho nền kinh tế thế giới do việc tăng lãi suất liên tục từ các ngân hàng trung ương lớn như Ngân hàng Dự trữ Liên bang Mỹ, Ngân hàng Trung ương Châu Âu, Ngân hàng Anh, Ngân hàng Dự trữ Australia và thậm chí là các ngân hàng trung ương khu vực như Indonesia và Malaysia.

Đồng thời, các yếu tố chính trị, xung đột ở một số nước hiện nay, gây ảnh hưởng đến các hoạt động thương mại của các quốc gia phụ thuộc vào thương mại như Việt Nam và các nước ASEAN khác.

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế toàn cầu, Việt Nam cũng gặp không ít khó khăn trong hoạt động xuất khẩu, thu hút FDI, đầu tư công..., tuy nhiên Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng khả quan và là một trong những nền kinh tế tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Riêng với lĩnh vực cảng biển và vận tải biển, phần lớn các tháng đầu năm 2023 các doanh nghiệp ngành vận tải biển phải đối mặt với thị

trường kinh doanh diễn biến khó lường. Tuy vậy, các tháng cuối năm 2023 cho thấy thị trường vận tải biển đang dần khởi sắc. Nhu cầu vận chuyển hàng hóa toàn cầu đang phục hồi khi nền kinh tế thế giới dần hồi phục và lạm phát hạ nhiệt. Giữa bối cảnh nhu cầu tăng, nguồn cung tàu không tăng, giá cước cải thiện, là yếu tố thuận lợi cho các doanh nghiệp vận tải biển.

Trong năm 2023, Công ty luôn duy trì hoạt động trong lĩnh vực vận tải đường thủy và quản lý tàu cùng với những thay đổi phù hợp với tình hình mới đã đạt được những hiệu quả nhất định, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư tàu ORION và tàu LOYAL để đưa vào kinh doanh và đã hoàn thành kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2023 (NQ 02/NQ-PCT-ĐHCĐ)	Thực hiện 2023	Tỷ lệ TH/KH2023
1	Tổng doanh thu	314,997	409,437	130%
2	Lợi nhuận trước thuế	25,882	47,108	182%
3	Lợi nhuận sau thuế	20,597	37,724	183%
4	Nộp NSNN	5,285	9,990	123%

b. Kết quả kinh doanh theo loại hình

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng	Bán hàng	Vận tải & khác
I	DOANH THU			
1	Doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	409.437	81.271	328.166
2	Doanh thu thanh lý tài sản	0		
3	Doanh thu tài chính	3.661		
4	Thu nhập khác	762		
II	CHI PHÍ			
1	Giá vốn hàng bán	285.696	78.930	206.766
2	Giá vốn thanh lý tài sản	0		
2	Chi phí tài chính	68.820		
3	Chi phí quản lý	12.203		

4	Chi phí khác	33		
	LÃI / LỖ	47.108		

c. Đầu tư, thanh lý tài sản

Trong năm 2023, Công ty thực hiện đầu tư thành công đối với tàu ORION và LOYAL như kế hoạch được duyệt tại ĐHCĐ bất thường lần 2 năm 2023 và một số tài sản khác với giá trị đầu tư như sau:

- Đầu tư Tàu ORION với nguyên giá: 419.068 triệu đồng.
- Đầu tư Tàu LOYAL với nguyên giá: 362.333 triệu đồng.
- Mua sắm thiết bị văn phòng: 297 triệu đồng

3.4. Công tác xây dựng và thực hiện các quy định của Công ty

Với hệ thống các quy chế, quy định đã tương đối hoàn thiện, năm 2023 Công ty tiếp tục triển khai và thực hiện theo đúng các quy định đề ra đảm bảo tính hiệu quả và có thể giám sát được trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

- Báo cáo tài chính năm 2023 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, được trình bày theo đúng các mẫu báo cáo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

- Việc ghi chép, theo dõi, phân loại các nội dung kinh tế trong báo cáo tài chính đã được thực hiện theo đúng các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

- Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết theo đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

III. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong thời gian qua, sự phối hợp giữa BKS, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty được thực hiện tốt, BKS đã nhận được sự hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để thực hiện chức trách nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty.

PHẦN B

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG BKS NĂM 2024

Căn cứ vào tình hình hoạt động của BKS năm 2023 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024, BKS xin đề ra Kế hoạch hoạt động của Ban năm 2024 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ, tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;

- Xem xét tính hợp lý và giám sát việc ban hành và thực hiện các văn bản quản lý nội bộ của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm;
- Thẩm định báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2024. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty;
- Xem xét, thẩm tra công tác ký kết các hợp đồng kinh tế;
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động đầu tư của Công ty;
- Phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong quản lý vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Báo cáo đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của BKS.

Trên đây là toàn bộ Báo cáo hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của BKS kính trình đại hội xem xét thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đặng Thị Dung



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Số: 03/2024/BC-PCT/GĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-PCT-ĐHCD ngày 02/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và Nghị quyết 02/NQ-PCT-ĐHCD ngày 28/09/2023 của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam xin tổng kết kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1. Tình hình SXKD năm 2023

Năm 2023 thực sự là một năm khó khăn cho nền kinh tế thế giới do việc tăng lãi suất liên tục từ các ngân hàng trung ương lớn như Ngân hàng Dự trữ Liên bang Mỹ, Ngân hàng Trung ương Châu Âu, Ngân hàng Anh, Ngân hàng Dự trữ Australia và thậm chí là các ngân hàng trung ương khu vực như Indonesia và Malaysia.

Đồng thời, các yếu tố về chính trị như xung đột Nga-Ukraine, căng thẳng Mỹ-Trung Quốc tiếp tục tăng áp lực lên tâm lý chung cũng như các hoạt động kinh doanh. Từ đó đã dẫn đến các hoạt động thương mại chậm lại, làm ảnh hưởng đến các quốc gia phụ thuộc vào thương mại như Việt Nam và các nước ASEAN khác.

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế toàn cầu, Việt Nam cũng gặp không ít khó khăn trong hoạt động xuất khẩu, thu hút FDI, đầu tư công..., tuy nhiên Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng khả quan với mức tăng trưởng GDP ước tính 5.05% và là một trong những nền kinh tế tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới... Riêng với lĩnh vực cảng biển và vận tải biển, trong phần lớn thời gian của năm 2023, các doanh nghiệp ngành vận tải biển đối mặt với thị trường kinh doanh diễn biến khó lường. Tuy vậy, diễn biến tích cực của các tháng cuối năm 2023 cho thấy thị trường vận tải biển đang dần khởi sắc. Nhu cầu vận chuyển hàng hóa toàn cầu đang phục hồi khi nền kinh tế thế giới dần hồi phục và lạm phát hạ nhiệt. Giữa bối cảnh nhu cầu tăng, nguồn cung tàu không tăng, giá cước cải thiện, là yếu tố thuận lợi cho các doanh nghiệp vận tải biển. Trong năm 2023, Công ty duy trì hoạt động trong lĩnh vực vận tải đường thủy và quản lý tàu cùng với những thay đổi phù hợp với tình hình mới đã cho thấy những hiệu quả nhất



định. Công ty vẫn hoàn thành các chỉ tiêu tài chính đã đặt ra bằng sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo và người lao động, cùng với tinh thần tiết kiệm và quản lý chặt chẽ các khoản chi phí quản lý.

Trước bối cảnh đó, với sự chỉ đạo xuyên suốt của HĐQT, sự nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty, sự đồng lòng của toàn thể CBNV trong đó đặc biệt là sự gắn bó, chia sẻ khó khăn của đội ngũ thuyền viên, năm 2023 Công ty đã hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra.

Các chỉ tiêu tài chính đạt được:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2023 (NQ 02/NQ-PCT-ĐHCD)	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Tỷ lệ TH2023 /2022	Tỷ lệ TH/KH 2023
1	Tổng doanh thu	314,997	305.402	409,437	134%	130%
2	Lợi nhuận trước thuế	25,882	17.887	47,108	263%	182%
3	Lợi nhuận sau thuế	20,597	14.181	37,724	266%	183%
4	Nộp NSNN	5,285	8.117	9,990	123%	189%

(Tổng doanh thu bao gồm: doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu tài chính và thu nhập khác)

Kết quả SXKD đạt được năm 2023:

- Chỉ tiêu Tổng doanh thu đạt 409.437 triệu đồng, hoàn thành 130% kế hoạch đặt ra, tăng 34% so với thực hiện năm 2022.
- Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 47,108 triệu đồng, hoàn thành 182% kế hoạch đặt ra, tăng 163% so với thực hiện năm 2022.
- Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế đạt 37.724 triệu đồng, hoàn thành 183% kế hoạch đặt ra, tăng 166% so thực hiện năm 2022.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 thu được những kết quả khả quan như vậy là do bối cảnh nhu cầu vận tải tăng, nguồn cung tàu không tăng, giá cước cải thiện, các tài sản đầu tư đem lại hiệu quả tốt góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2023. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tăng cường công tác quản lý, quản trị, giám sát chặt chẽ chi phí SXKD để đạt được các chỉ tiêu theo kế hoạch năm đã đề ra.

2. Đầu tư và thanh lý tài sản

Trong năm 2023, Công ty thực hiện đầu tư thành công đối với tàu số 2- tàu ORION và tàu số 3- tàu LOYAL như kế hoạch được duyệt tại ĐHCĐ bất thường lần 2 năm 2022 và một số tài sản khác với giá trị đầu tư như sau:

- Đầu tư Tàu ORION với nguyên giá: 419.068 triệu đồng.

- Đầu tư Tàu LOYAL với nguyên giá: 362.333 triệu đồng.
- Mua sắm thiết bị văn phòng: 297 triệu đồng

3. Công tác quản lý tài chính

Công tác quản lý tài chính của Công ty luôn được thực hiện chặt chẽ theo Quy chế quản lý tài chính. Với nguồn tiền thu được từ hoạt động kinh doanh và thanh lý tài sản, Công ty đã kịp thời cân đối dòng tiền trên cơ sở nhu cầu thu/chi trong tháng và thực hiện đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

4. Công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp

4.1 Công tác quản lý, nhân sự

Năm 2022, đội ngũ chuyên viên kỹ thuật, an toàn, quản lý làm việc tại văn phòng và thuyền viên đến hết quý IV/2023 là 67 người. Đến cuối năm 2023, với đội tàu gồm 3 tàu dầu/ hóa chất, CBNV công ty là 140 người (trong đó đội ngũ thuyền viên là 86 người).

4.2 Công tác an sinh xã hội, hoạt động đoàn thể

- Năm 2023, Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, trả thưởng cho người lao động, thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

- Công tác cán bộ của Công ty tiếp tục được kiện toàn góp phần nâng cao tính kiểm soát và chuyên môn hóa công tác quản lý của Công ty đối với các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu của Công ty trong giai đoạn tái cấu trúc.

- Công đoàn và Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động phong trào văn hóa và thể thao; các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV: gặp mặt CB.CNV nữ nhân ngày 8/3, 20/10; tặng quà cho các cháu thiếu nhi ngày 1/6; tổ chức thăm hỏi chu đáo gia đình các CBCNV.

5. Đánh giá chung những kết quả đạt được

Năm 2023 là một năm khả quan với các doanh nghiệp vận tải dầu khí, giá thuê tàu chở dầu cao hơn theo sau đà tăng giá cước vận chuyển tàu chở dầu trên toàn cầu. Công ty duy trì hoạt động trong lĩnh vực vận tải đường thủy và quản lý tàu cùng với những thay đổi phù hợp với tình hình mới đã cho thấy những hiệu quả nhất định. Với sự quyết đoán của Ban điều hành Công ty, sự chỉ đạo sát sao và có hiệu quả Hội đồng quản trị, BKS, sự ủng hộ của Cổ đông lớn, sự nỗ lực của toàn thể người lao động công ty với tinh thần triệt để tiết kiệm, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí quản lý, Công ty cũng đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu của kế hoạch đề ra.

II. KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2024

1. Căn cứ xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch

Các nhà phân tích chỉ ra mặc dù tốc độ tăng trưởng toàn cầu được dự báo sẽ chậm hơn vào năm 2024, nhưng điều tồi tệ nhất có lẽ đã qua và các trở lực dự kiến sẽ giảm.

Công ty S&P Global Market Intelligence dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 sẽ ở mức 2,3%, thấp hơn mức ước tính 2,7% của năm 2023. Còn Công ty Fitch Ratings cho rằng tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2024 chỉ ở mức 2,1%, giảm so với ước tính 2,9% của năm 2023.

Tuy nhiên, nhiều tổ chức tài chính và các hãng truyền thông lớn tiếp tục đưa ra các dự báo tích cực về triển vọng kinh tế Việt Nam năm nay. Trong đó, nhấn mạnh tới việc Việt Nam hiện vẫn đang là một điểm đến thu hút đầu tư nước ngoài FDI và còn nhiều dư địa để tăng trưởng. Các tổ chức quốc tế và các chuyên gia vẫn lạc quan với về bức tranh tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2024, ở mức trên 6%.

Đối với thị trường tàu chở hóa chất, Clarkson Research kỳ vọng triển vọng duy trì tích cực do cân bằng cung/cầu được cải thiện, được thúc đẩy bởi nhu cầu hóa chất gia tăng từ châu Á trong bối cảnh nguồn cung tàu tăng trưởng hạn chế.

2. Nhiệm vụ kế hoạch

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quản lý và khai thác tàu trên cơ sở tích lũy kinh nghiệm từ hoạt động quản lý tàu, làm tiền đề cho việc sở hữu và vận hành đội tàu sau này.

- Tìm kiếm và mở rộng các đối tượng khách hàng đối với dịch vụ quản lý tàu.

- Tìm kiếm cơ hội khai thác tàu mới.

- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.

3. Các chỉ tiêu tài chính của kế hoạch năm 2024

Theo nội dung được trình bày tại Tờ trình về việc Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2024
Tổng doanh thu	403,931
Lợi nhuận trước thuế	51,888
Lợi nhuận sau thuế	41,853
Nộp NSNN	10,035

4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2024

Giải pháp về kinh doanh, khai thác:

- Sắp xếp, bố trí tàu một cách tối ưu, tiếp tục duy trì cơ chế phối hợp và xây dựng kế hoạch khai thác nhằm giữ vững thị trường vận tải dầu/ hóa chất.

- Theo dõi sát diễn biến thị trường mua bán tàu; Tích cực làm việc với các nhà môi giới, các chủ hàng trong khu vực để có thông tin diễn biến thị trường mua bán tàu, thị trường cước tàu, yêu cầu quản lý và các yếu tố chi phí để hoàn tất dự án đầu tư.

- Tiếp tục duy trì đưa các tàu tham gia vận chuyển trên thị trường quốc tế nhằm mục tiêu mở rộng thị trường.

- Tăng cường công tác marketing, xây dựng và mở rộng mối quan hệ, phối hợp với: khách hàng, cảng vụ, đăng kiểm, kho cảng, đại lý, mạng lưới brokers...

Giải pháp về quản lý, tổ chức:

- Tăng cường công tác bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp kịp thời vật tư trang thiết bị, đảm bảo các điều kiện kỹ thuật của đội tàu luôn ở trạng thái tốt, hạn chế đến mức thấp nhất thời gian tàu dừng vì lý do kỹ thuật. Duy trì SIRE của các Oil Major cho đội tàu Công ty.

- Tập trung hoàn thiện và nâng cao công tác quản lý, quản trị và bộ máy tổ chức tại PCT. Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy chế, quy định, các định mức kinh tế kỹ thuật, Hệ thống quản lý an toàn (ISM code) và MLC 2006, nâng cấp Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001:2015) để góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường tiết kiệm chi phí, công tác kiểm tra/kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh công nợ khó đòi, không để phát sinh những khoản nợ xấu.

- Xây dựng, cải thiện môi trường làm việc tốt để CBCNV được đóng góp và phát huy hết năng lực. Tích cực thu hút lao động giỏi, quan tâm và cải thiện đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho người lao động, tạo môi trường làm việc đoàn kết, gắn bó trong Công ty

Trên đây là Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 cũng như định hướng kinh doanh trong năm 2024. Với sự ủng hộ của cổ đông, sự chỉ đạo sát sao và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và CBCNV Công ty sẽ nỗ lực, cố gắng phát huy hết năng lực của mình để hoàn thành kế hoạch năm 2024.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc (để biết).

GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ MAI



BÁO CÁO THỰC HIỆN

Kế hoạch đầu tư tài sản theo Nghị quyết số 03/NQ-PCT-ĐHCD ngày 25/10/2022 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam;

- Căn cứ Quy chế làm việc của HĐQT và phân cấp thẩm quyền cho Giám đốc ban hành theo Nghị quyết số 11/NQ-PCT-HĐQT ngày 04/09/2019 của HĐQT;

- Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-PCT-ĐHCD ngày 25/10/2022 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022 phê duyệt tờ trình số 16/TTr-PCT-HĐQT về việc đầu tư 01 tàu dầu/hóa chất (tàu số 3) trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT hoặc 01 tàu chở hàng rời trọng tải khoảng 28.000 - 85.000 DWT từ Quý 1 năm 2023;

- Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-PCT-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 28/02/2023 về việc phê duyệt lựa chọn loại tàu đầu tư và điều chỉnh tỉ lệ nguồn vốn đầu tư đối với tàu số 3 đã được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022;

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc thực hiện đầu tư tàu số 03 như sau:

Đơn vị: VND

Tàu LOYAL	Nội dung được phê duyệt theo NQ 03/NQ-PCT-ĐHCD ngày 25/10/2022	Thực tế đầu tư (VND)
Tổng vốn đầu tư (gồm VAT)	20.979.000 USD tương đương khoảng 493 tỷ đồng (tỷ giá 23.500)	391.276.316.741 tương đương 16.433.277 USD (tỷ giá 23.810)
Tổng vốn đầu tư (chưa có VAT)	19.092.000 USD	362.332.940.741 tương đương 15.217.680 USD (tỷ giá 23.810)
Vốn chủ sở hữu	35% tổng mức đầu tư bao gồm thuế phí	151,276,316,741 tương đương 6.353.478 USD (tỷ giá 23.810), chiếm 38,6%

		tổng mức đầu tư bao gồm thuế phí
Vốn vay ngân hàng	65% tổng mức đầu tư bao gồm thuế phí	240.000.000.000 tương đương 10.079.798 USD (tỷ giá 23.810) chiếm 61,3% tổng mức đầu tư bao gồm thuế phí
Lãi suất vay	11%/năm	Từ tháng 8/2023 đến 14/09/2023: 11.50%/năm Từ 14/9/2023 đến 31/12/2023: 11%/năm
Thời gian vay	5 năm	5 năm
Chỉ tiêu hiệu quả dự án		
NPV	858.269 USD tương đương hơn 20 tỷ đồng (tỷ giá 23.500)	49.198.575.102 tương đương 2.066.298 USD (tỷ giá 23.810)
IRR	11.01%	14.50%

Ngày 25/07/2023 Công ty đã ký Hợp đồng mua bán tàu LOYAL với Công ty TNHH dịch vụ vận tải dầu khí OVTRANS. Đến ngày 11/08/2023. Công ty đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt- chi nhánh Nam Sài Gòn vay số tiền 240 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn đầu tư tàu. Sau khi hoàn thành việc mua tàu LOYAL. Công ty đã ký Hợp đồng TC với Seastar Maritime Co.ltd với thời hạn cho thuê 36 tháng với giá cước tại thời điểm ký hợp đồng là: 15.000 USD/ngày. giá cước tại thời điểm hiện tại (T1/2024): 16.500USD/ngày Tổng doanh thu thu được từ việc cho thuê tàu LOYAL năm 2023 là: 54 tỷ đồng.

Xin báo cáo đến Đại hội đồng cổ đông về việc hoàn thiện đầu tư tàu số 3- tàu Loyal với các nội dung trên.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu VT. HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THỊ NGỌC ĐỆP





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Số: 02 /TTr-PCT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc Phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023
và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam trong năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	314,997	409.437	130%
2	Lợi nhuận trước thuế	25,882	47,108	182%
3	Lợi nhuận sau thuế	20,597	37,724	183%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	5,285	9,990	189%

2. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các vấn đề sau:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023;
- Phê duyệt kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu VT. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN THỊ NGỌC ĐẸP



TỜ TRÌNH

Về việc trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 1/1/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua tờ trình trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2023 của Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm theo BCTC năm 2023 đã được kiểm toán	72.880.683.447	
1.1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	35.156.637.190	
1.2	Lợi nhuận thực hiện năm 2023	37.724.045.657	(1)
2	Lợi nhuận phân phối	3.140.683.196	
2.1	Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.640.683.196	7% * (1)
2.2	Quỹ khen thưởng ban điều hành	500.000.000	
3	Lợi nhuận còn lại	69.740.000.251	

Kính trình Đại hội xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN THỊ NGỌC ĐEP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/TTr-PCT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2024



TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam;
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm của Ông Lê Hoàng Phương ngày 24/01/2024.

Vừa qua, Hội đồng quản trị nhận được đơn từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của Ông Lê Hoàng Phương vào ngày 24/01/2024.

Căn cứ Điều 26 Điều lệ Công ty và điểm b khoản 1 Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt:

- Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 đối với Ông Lê Hoàng Phương.
- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 bao gồm 05 thành viên

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN THỊ NGỌC ĐẸP



TỜ TRÌNH

Về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và đổi tên Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam;
- Căn cứ tình hình thực tế của Công ty.

Nhằm tạo thuận lợi cho quá trình kết nối với đối tác, khách hàng khi giao dịch và kinh doanh theo định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn mới, thuận lợi hơn trong quá trình tìm kiếm cơ hội đầu tư, mở rộng thị trường theo hướng phát triển bền vững trong tương lai. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua nội dung như sau:

1. Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ hiện tại: Khu dịch vụ số 04, Tầng 6, Tháp R2, Cao ốc The Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ mới: Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

2. Đổi tên Công ty Cổ phần vận tải khí và hóa chất Việt Nam thành tên mới như sau:

- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt mới: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC**
- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài mới: **GLOBAL PACIFIC SHIPPING JOINT STOCK COMPANY**

3. Sửa đổi Điều lệ Công ty như sau:

3.1 Sửa đổi khoản 3 Điều 2 Điều lệ Công ty như sau:

- Trụ sở đăng ký của Công ty là:
- Trụ sở chính: Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

3.2 Sửa đổi khoản 1 Điều 2 Điều lệ Công ty như sau:



Tên Công ty:

- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC**
- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Anh: **GLOBAL PACIFIC SHIPPING JOINT STOCK COMPANY**

4. Giao Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện thủ tục liên quan đến việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và đổi tên Công ty theo quy định pháp luật.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt!

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THỊ NGỌC ĐẸP





TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư 01 tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC có sức chứa 75.000-80.000 CBM (trọng tải khoảng 45.000-50.000 DWT)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

Trong thời gian vừa qua, Công ty đã tích cực nghiên cứu, thu thập và phân tích các nguồn thông tin và xu hướng thị trường vận tải nói chung, thị trường mua bán các loại tàu VLGC để tìm kiếm cơ hội đầu tư, tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực cạnh tranh trong tương lai.

Thị trường tàu khí hóa lỏng đang trên đà phát triển, giá cước vận chuyển đang đạt mức cao, trong bối cảnh đó, một số doanh nghiệp vận tải biển đã tranh thủ tái cơ cấu, phát triển đội tàu VLGC. Nhìn thấy cơ hội và tiềm năng từ bối cảnh thế giới hiện nay, Hội đồng quản trị kính trình phương án đầu tư tàu như sau:

1. Phê duyệt Kế hoạch Loại tàu: Đầu tư tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC có sức chứa 75.000 – 80.000 CBM (trọng tải khoảng 45.000 – 50.000 DWT).

- Tổng mức đầu tư : từ 64.000.000 USD - 80.000.000 USD.

- Nơi đóng tàu: Nhật Bản / Hàn Quốc/ EU

- Tiến độ thực hiện đầu tư dự kiến: Từ Quý II năm 2024.

- Nguồn vốn cho dự án:

- Vốn vay của các tổ chức tín dụng/tổ chức kinh tế/cá nhân: không vượt quá 74% tổng mức đầu tư (chưa bao gồm thuế VAT).
- Vốn chủ sở hữu và vốn khác:

Tổng mức đầu tư (đã bao gồm thuế VAT) – 74% tổng mức đầu tư (chưa bao gồm thuế VAT).

- Phương thức lựa chọn nhà cung cấp: chào giá cạnh tranh.

- Các chỉ tiêu hiệu quả không thấp hơn:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR)	%	12,46%
2	Giá trị hiện tại thuần (NPV) dự án	USD	10.209.244

(Đính kèm là Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án)

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt/quyết định toàn bộ các bước tiếp theo để triển khai kế hoạch đầu tư (tổng mức đầu tư và nguồn vốn cho dự án chi tiết, phương án đầu tư, kế hoạch mua tàu, lựa chọn loại tàu phù hợp, kết quả chào giá, lựa chọn tàu để đầu tư, quyết toán hoàn thành dự án đầu tư, thanh lý và các nội dung liên quan khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đối với việc đầu tư mua tàu) theo quy định của



pháp luật, Điều lệ công ty và trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả đầu tư mua tàu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- a. Phê duyệt/quyết định tình hình thực tế huy động vốn, điều chỉnh tỉ lệ nguồn vốn đầu tư mua tàu: tỉ lệ nguồn vốn vay không vượt 74% tổng giá trị đầu tư (chưa bao gồm thuế VAT) trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả đầu tư mua tàu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- b. Phê duyệt huy động vốn vay mua tàu bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:
 - Lựa chọn ngân hàng, tổ chức tín dụng, cá nhân có khả năng tài trợ tín dụng với giá trị vay không vượt 74% tổng giá trị đầu tư (chưa bao gồm thuế VAT). Lãi vay của đối tượng cho vay không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế không vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay (Điểm 17 Khoản 2 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC quy định).
 - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc huy động vốn vay phục vụ mua tàu trong quá trình làm việc với bên cấp tín dụng.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc đầu tư tàu nói trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THỊ NGỌC ĐẸP





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

Dự án: ĐẦU TƯ TÀU CHỞ KHÍ HÓA LỎNG LOẠI VLGC CÓ SỨC CHỨA 75.000 – 80.000 CBM (TRỌNG TẢI KHOẢNG 45.000 – 50.000 DWT)

Tên chủ đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ

I. TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Đầu tư tàu chở **chở khí hóa lỏng (LPG) loại VLGC**(Very Large Gas Carrier) có sức chứa 75.000 – 80.000 CBM (trọng tải khoảng 45.000 – 50.000 DWT)

1. Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (PCT).
2. Tổng mức đầu tư dự án: từ 64.000.000 USD – 80.000.000 USD.
3. Mục đích của dự án: Vận chuyển LPG
4. Phương thức thực hiện dự án: Mua tàu đã qua sử dụng.
5. Phương thức lựa chọn nhà cung cấp: Chào giá cạnh tranh
6. Tiến độ thực hiện: Từ quý II năm 2024
7. Nguồn vốn cho dự án: Vốn chủ sở hữu và vốn vay.

III. GIỚI THIỆU VỀ CHỦ ĐẦU TƯ

Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (PCT) được thành lập vào năm 2007. Hiện nay, PCT có trụ sở chính tại:

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 6, Tháp R2, Cao ốc The Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 6 2582 330

Fax: 028) 6 2582 334

Website: <https://www.pct.com.vn>

Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của công ty: Thuê và cho thuê tàu biển, dịch vụ quản lý tàu.....

Kết quả sản xuất kinh doanh của PCT trong các năm gần đây đạt được như sau:

Chỉ tiêu (Tỷ VNĐ)	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Vốn CSH	259,1	307,0	291,0	302,6	315,0	575,8
Tổng tài sản	284,1	787,7	310,6	312,9	552,0	1.238,5
Tổng doanh thu	259,6	352,7	470,4	464,2	305,4	409,4
Lợi nhuận trước thuế	6,5	24,4	19,1	17,3	17,9	47,1

Nguồn: Báo cáo tài chính PCT 2018-2023.

Kinh nghiệm và năng lực của PCT:

PCT có nguồn lực hoàn chỉnh về quản lý tàu biển biển. PCT hiện đang sở hữu khai thác 03 tàu vận chuyển hóa chất và tư vấn quản lý 27 tàu (bao gồm 20 tàu dầu và 7 gas) cho các đơn vị trong và ngoài nước.

IV. Sự cần thiết phải đầu tư:

- Nhu cầu tiêu thụ và sử dụng LPG tiếp tục tăng hàng năm, trong khi chưa có loại hình vận chuyển thay thế thì phương tiện vận chuyển khí hóa lỏng từ nơi sản xuất đến các thị

trường tiêu thụ bằng tàu biển là chủ đạo. Theo các báo cáo tổng hợp, phân tích thị trường cho thấy, xu hướng sử dụng những tàu chở khí hóa lỏng loại lớn VLGC đang là xu hướng vận tải đường dài của thế giới.

Vì những lý do trên, kế hoạch đầu tư 01 tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC của PCT vào năm 2024 là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty và cần thiết vì sự phát triển ổn định, dài hạn của Công ty.

V. Mục tiêu của dự án:

Mục tiêu của dự án là đầu tư tàu chở khí hoá lỏng loại VLGC để tham gia vận tải tại thị trường quốc tế, góp phần nâng cao năng lực vận tải, tạo ra bước đột phá để tăng khả năng cạnh tranh, giữ vững vai trò và vị thế của PCT tại thị trường trong nước cũng như xây dựng và phát triển thương hiệu PCT trên thị trường quốc tế trong phân khúc tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC, đảm bảo cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

CHƯƠNG II

THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ VÀ VẬN CHUYỂN LPG BẰNG TÀU VLGC

I. Thị trường vận tải chở khí hoá lỏng (LPG) bằng tàu VLGC quốc tế:

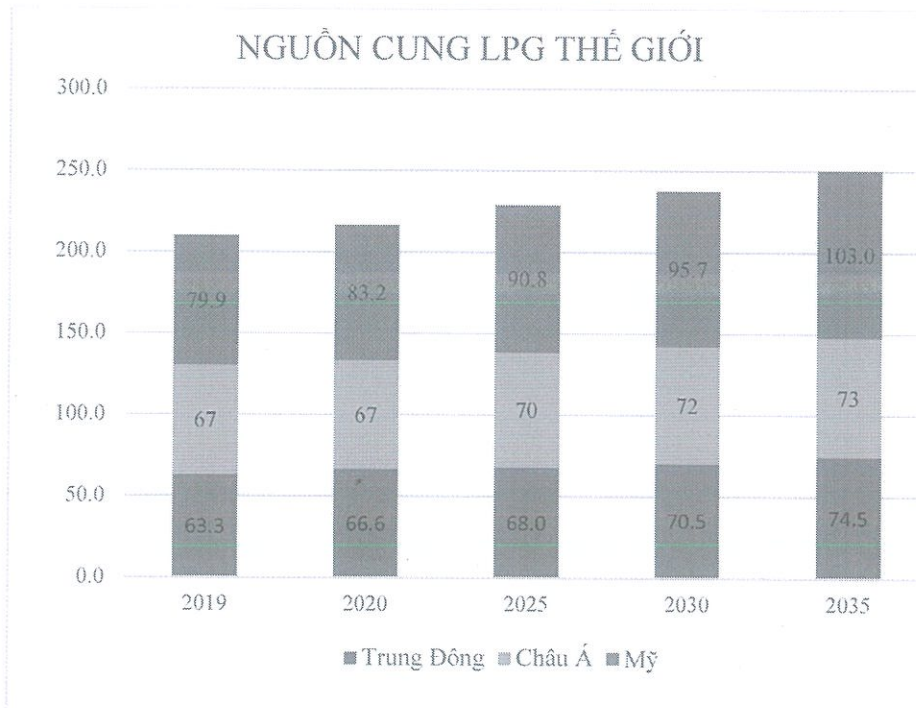
1. Nhu cầu tiêu thụ và vận chuyển LPG quốc tế:

Nhu cầu tiêu thụ LPG thế giới tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây do nhận thức về lợi ích của việc sử dụng LPG thay thế cho nhiên liệu hóa thạch và mức độ tiếp cận với các nguồn năng lượng xanh và sạch ngày càng nhiều ở cả các nước phát triển và đang phát triển cùng với sự gia tăng dân số. Theo thống kê của Argus Consulting thì năm 2010 nhu cầu LPG của thế giới là 244 triệu tấn, đến năm 2016 đã là 297 triệu tấn và đến năm 2020 là 325 triệu tấn/năm, năm 2027 tiếp tục tăng trưởng và đạt khoảng 358 triệu tấn/năm, chủ yếu phục vụ các lĩnh vực sử dụng LPG như tiêu dùng, công nghiệp, nông nghiệp, hóa chất, làm nhiên liệu trong lĩnh vực vận tải...

Sản lượng LPG thế giới cũng tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây. Theo thống kê của Argus thì năm 2010 sản xuất LPG trên thế giới là 244 triệu tấn, đến năm 2016 là 305 triệu tấn và dự báo sản lượng đến năm 2027 sẽ là 357 triệu tấn/năm do sự phát triển công nghệ dầu đá phiến trong sản xuất LPG của Mỹ.

Nguồn cung LPG trên thế giới, đặc biệt là từ khu vực Bắc Mỹ và Trung Đông đang tăng mạnh trong những năm gần đây và được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong năm tiếp theo.

Biểu đồ: Nguồn cung LPG thế giới đến năm 2035



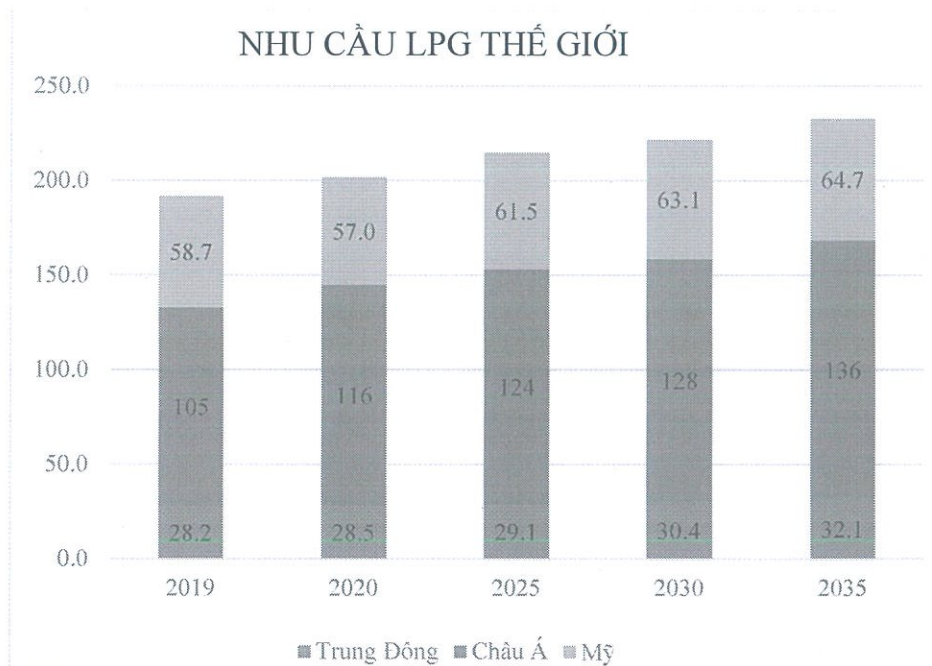
Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là thị trường tiêu thụ LPG lớn nhất, theo dự báo từ năm 2021 đến giai đoạn 2027 thì khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiêu thụ khoảng 50% sản lượng LPG của thế giới, cụ thể năm 2018 sản lượng tiêu thụ khoảng 140 triệu tấn, đến năm 2027 sẽ là khoảng 170 triệu tấn.

Theo đánh giá của Argus thì khu vực Châu Á - Thái Bình Dương sẽ thiếu hụt khoảng 80 triệu tấn vào năm 2025 và 90 triệu tấn vào năm 2027. Nguồn cung để bù đắp này sẽ chủ

yếu từ khu vực Bắc Mỹ với sự tăng trưởng mạnh của công nghệ dầu đá phiến hoặc khu vực truyền thống là Trung Đông.

Với tình hình sản xuất và nhu cầu tiêu thụ LPG của thế giới nêu trên, sản lượng cũng như nhu cầu tiêu thụ LPG trên thế giới tiếp tục có xu hướng tăng, đồng nghĩa với nhu cầu về vận chuyển cũng gia tăng trong thời gian tới.

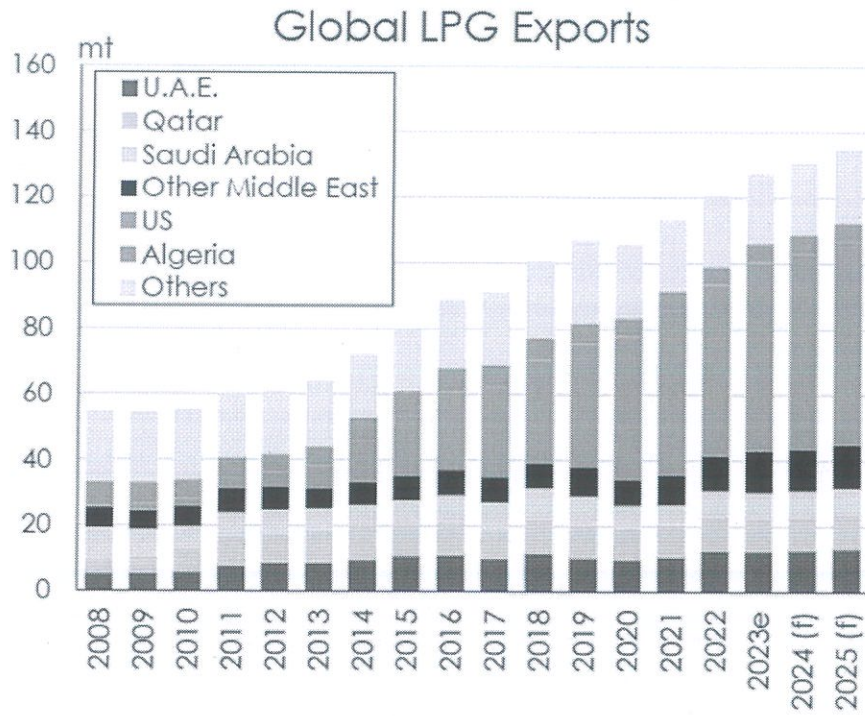
Biểu đồ: Nhu cầu LPG thế giới đến năm 2035



Theo Fearngas, thương mại LPG bằng đường biển tăng trưởng hàng năm, trong giai đoạn 2000 - 2009 tăng bình quân 3% mỗi năm, trong giai đoạn 2010 - 2020 mức tăng là 7%. Tuy nhiên với việc bùng phát của dịch covid 19 trong năm 2020 làm ảnh hưởng đến mức tăng trưởng thương mại LPG và phục hồi từ năm 2023.

Thị trường VLGC điều chỉnh mạnh trong tháng 1/2024, trước đó sự chênh lệch giá khí propan Mỹ-Châu Á hẹp hơn, xu hướng theo mùa và giảm bớt sự gián đoạn ở kênh đào Panama. Giá giao tại ngày 26/01/2024 cho một VLGC trên tuyến MEG Japan đã giảm xuống còn 22.758 USD/ngày, ba tuần trước đó giá là ~100.000 USD/ngày. Nhìn chung, triển vọng cho năm 2024 là cao hơn so với năm 2023, mặc dù tỷ lệ dự kiến sẽ tăng từ mức độ yếu. Những nguyên tắc cơ bản cho năm 2024 xuất hiện khá cân bằng, 1 tấn LPG/hải lý dự kiến sẽ tăng 5,0%, trong khi tăng trưởng công suất đội tàu dự kiến là 4,3%.

Biểu đồ: Sản lượng mua bán LPG vận chuyển bằng đường biển (2008-2023 và dự báo 2024, 2025)



Nguồn: Clarksons Research Report

Theo đó, cơ cấu các nước và khu vực nhập/xuất khẩu LPG lớn trên thế giới được phân bố như sau:

Các khu vực xuất khẩu LPG bằng đường biển

LPG Exports	Million Tonnes								Export Growth Trend			
	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023e	2024 (f)	2025 (f)	2024 %	2025 %
United States	23.9	27.1	31.4	37.6	43.6	50.3	52.0	57.5	59.5	61.8	3%	4%
Other Americas	2.5	3.1	3.2	3.4	3.2	3.6	4.0	4.1	4.3	4.5	4%	5%
TOTAL Americas	26.4	30.2	34.6	40.9	46.8	54.0	56.0	61.6	63.7	66.4	4%	4%
% change	27%	14%	15%	16%	14%	15%	4%	10%	4%	4%		
U.A.E.	11.2	10.0	11.6	10.4	10.0	10.8	12.5	12.4	12.8	13.3	3%	4%
Qatar	10.0	9.1	10.4	10.3	9.6	9.8	10.4	10.2	10.2	10.4	0%	2%
Saudi Arabia	8.2	8.2	9.4	8.5	6.9	6.1	7.9	7.8	7.9	8.1	1%	3%
Other Middle East	7.6	7.7	7.7	8.7	7.8	9.0	10.8	12.6	12.7	13.1	1%	3%
TOTAL Middle East	36.9	34.9	39.2	38.0	34.2	35.6	41.7	43.0	43.6	44.9	1%	3%
% change	5%	-5%	12%	-3%	-10%	4%	17%	3%	1%	3%		
Norway	4.1	4.5	4.5	4.3	4.2	4.0	3.5	3.6	3.7	3.7	2%	1%
Other Europe	7.4	7.2	7.0	7.0	5.9	6.3	5.7	5.9	6.1	6.2	3%	2%
TOTAL Europe	11.6	11.7	11.5	11.3	10.1	10.3	9.2	9.5	9.8	9.9	2%	2%
% change	13%	1%	-2%	-2%	-11%	2%	-11%	4%	2%	2%		
Algeria	7.3	6.9	6.7	6.2	5.6	5.4	5.5	5.6	5.6	5.7	1%	1%
Other Africa	2.7	3.6	3.8	4.1	3.1	2.7	2.6	2.6	2.7	2.8	6%	4%
TOTAL Africa	10.0	10.4	10.5	10.2	8.7	8.1	8.0	8.1	8.3	8.5	3%	2%
% change	-4%	4%	0%	-2%	-15%	-6%	-2%	1%	3%	2%		
TOTAL Asia/Pacific	4.0	4.2	5.0	6.4	5.9	5.1	5.7	5.3	5.2	5.2	-2%	0%
% change	13%	4%	20%	28%	-8%	-13%	12%	-8%	-2%	0%		
GLOBAL TOTAL	89.0	91.4	100.8	106.9	105.8	113.3	120.7	127.6	130.7	135.0	2%	3%
% change	11.0%	2.7%	10.2%	6.0%	-1.1%	7.1%	6.6%	5.7%	2.4%	3.3%		
Tonne-Miles (bn TM)	446.8	459.9	499.0	546.8	563.9	630.6	646.5	722.9	759.2	773.9	5%	2%
% change	20.3%	2.9%	8.5%	9.6%	3.1%	11.8%	2.5%	11.8%	5.0%	1.9%		

Nguồn: Clarksons Research Report

Thương mại LPG toàn cầu được dự đoán sẽ tăng 2,4% lên 131 triệu tấn trong năm nay, theo sau mức tăng trưởng dự kiến của công ty là 5,7% vào năm 2023. Tăng trưởng năm nay dự kiến sẽ ở mức vừa phải hơn khi Mỹ tăng trưởng xuất khẩu, thúc đẩy tăng trưởng thương mại toàn cầu năm ngoái, chậm lại trong bối cảnh sản lượng khí đốt tự nhiên tăng ít hơn. Tính theo tấn, dự kiến tăng trưởng 5,0%, với một số thúc đẩy lượng hàng xuất khẩu trung bình của Mỹ dự kiến do có nhiều tàu hơn đi quãng đường dài hơn đến châu Á qua CoGH giữa Panama. Hạn chế vận chuyển kênh và các vấn đề an ninh đang diễn ra ở biển Đỏ

Nhu cầu của Trung Quốc dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong năm nay năm, với những dự báo hiện tại cho thấy mức tăng trưởng nhập khẩu là 6% lên 34 triệu tấn vào năm 2024 nhờ tiếp tục duy trì công suất PDH mở rộng

Năm 2025, một năm tăng trưởng thương mại LPG vừa phải nữa là dự kiến, với khối lượng dự kiến sẽ tăng 3,3% lên 135 triệu tấn được hỗ trợ bởi tăng trưởng xuất khẩu vừa phải từ cả Mỹ và Trung đông. Trong khi đó, thương mại tấn-dặm dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ chậm hơn 1,9% do liên quan đến Suez/Panama.

Các nước nhập khẩu LPG bằng đường biển

LPG Imports	Million Tonnes								Import Growth Trend			
	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023e	2024 (f)	2025 (f)	2024 %	2025 %
China	15.9	18.3	18.8	20.5	19.5	24.5	26.6	31.7	33.6	36.9	6%	10%
India	8.6	9.2	12.7	14.9	16.2	17.5	18.4	18.5	19.3	20.2	4%	5%
Japan	10.9	10.8	10.7	10.6	9.8	10.1	10.5	10.2	10.0	9.6	-2%	-4%
South Korea	7.0	6.1	6.4	7.5	7.9	8.0	8.8	8.1	8.1	8.0	1%	-2%
Indonesia	4.4	5.5	5.5	5.7	6.3	6.4	6.7	6.9	7.0	7.1	2%	2%
Other Asia	7.8	7.9	8.5	9.4	8.5	7.7	10.0	11.9	11.9	12.0	0%	1%
TOTAL Asia	54.7	57.7	62.7	68.5	68.3	74.2	80.9	87.2	89.9	93.9	3%	4%
% change	14%	6%	9%	9%	0%	9%	9%	8%	3%	4%		
Netherlands	3.3	2.3	3.8	3.2	3.2	3.3	2.7	3.2	3.3	3.3	2%	1%
France	3.1	3.0	2.9	3.1	2.7	2.9	2.9	2.7	2.8	2.8	1%	1%
Other Europe	10.4	9.5	10.2	11.1	10.9	11.0	13.4	13.5	13.7	13.8	1%	1%
TOTAL Europe	16.8	14.8	17.0	17.3	16.8	17.2	19.0	19.5	19.7	19.9	1%	1%
% change	10%	-12%	15%	2%	-3%	2%	10%	3%	1%	1%		
TOTAL Americas	10.7	11.3	13.2	12.7	12.8	13.0	12.3	11.9	12.0	12.0	1%	0%
% change	6%	6%	16%	-4%	1%	2%	-6%	-3%	1%	0%		
TOTAL Africa	6.7	7.5	7.8	8.3	7.8	8.8	8.5	9.0	9.1	9.2	1%	1%
% change	1%	11%	5%	6%	-5%	12%	-4%	6%	1%	1%		

Nguồn: Clarksons Research Report

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là thị trường tiêu thụ LPG lớn nhất, theo dự báo từ năm 2021 đến giai đoạn 2027 thì khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiêu thụ khoảng 50% sản lượng LPG của thế giới, cụ thể năm 2018 sản lượng tiêu thụ khoảng 140 triệu tấn, đến năm 2027 sẽ là khoảng 170 triệu tấn.

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương sẽ thiếu hụt khoảng 80 triệu tấn vào năm 2025 và 90 triệu tấn vào năm 2027. Nguồn cung để bù đắp này sẽ chủ yếu từ khu vực Bắc Mỹ với sự tăng trưởng mạnh của công nghệ dầu đá phiến hoặc khu vực truyền thống là Trung Đông.

Tương ứng với lượng LPG xuất nhập khẩu trên thế giới, đội tàu LPG tăng bình quân giai đoạn 2021 -2023 và tăng trưởng mạnh vào năm 2024-2025 như sau:

LPG Carrier Fleet	End Year, m cbm			Jan-24		End Year	
	2021	2022	2023	No.	m cbm	2024f	2025f
65,000+ cbm	27.8	30.0	33.7	402	33.7	35.4	36.9
20-64,999 cbm	7.3	7.7	8.4	254	8.4	8.7	9.0
5-19,999 cbm	3.0	3.1	3.1	394	3.1	3.2	3.2
<5,000 cbm	1.4	1.4	1.4	592	1.4	1.4	1.3
Total Fleet	39.4	42.2	46.7	1,642	46.7	48.7	50.4
% Change y-o-y / ytd	6.1%	6.9%	10.7%	4.6%	10.7%	4.3%	3.5%
Total Contracting	6.2	3.1	7.6				

Nguồn: Clarksons Research Report

Bảng danh sách các Công ty vận tải LPG có số lượng tàu VLGC từ 04 tàu trở lên theo thống kê của Clarksons Research:

Hạng	Chủ tàu	Số lượng tàu	Tổng DWT	Cỡ tàu trung bình (DWT)	Tuổi tàu trung bình	Quốc gia
1	BW Group	31	1,716.594	55.374	9,58	Bermuda
2	Petredac (Europe)	21	1.501.005	55.592	5,60	Vương Quốc Anh
3	Dorian LPG	18	1.044.371	54.966	7,39	Hy Lạp
4	Avance Gas	14	998.822	55.490	7,78	Na Uy
5	KSS Line	13	863.786	53.986	5,13	Hàn Quốc
6	Eneos Holdings	12	862.779	53.923	10,00	Nhật Bản
7	Nissen Kaiun	10	655.289	54.607	2,50	Nhật Bản
8	SK Shipping	9	711.164	54.704	6,20	Hàn Quốc
9	Shandong Marine	9	552.976	55.297	4,91	Trung Quốc
10	Nippon Yusen Kaisha	8	634.892	52.907	12,38	Nhật Bản
11	Latsco Shipping	8	428.175	53.521	7,01	Vương Quốc Anh
12	Wideshine Enterprise	7	521.259	57.917	3,80	Trung Quốc
13	Kumiai Senpaku	7	435.753	54.469	3,48	Nhật Bản
14	Solvang ASA	7	371.067	53.009	7,93	Na Uy
15	Iino Kaiun Kaisha	6	386.706	55.243	5,43	Nhật Bản
16	Reliance Industries	6	354.446	59.074	5,13	Ấn Độ
17	Petronas	6	370.262	61.710	1,08	Malaysia
18	Kuwait Petroleum	5	279.050	55.810	7,13	Kuwait
19	Sinogas	4	342.057	57.009	3,15	Singapore
20	Mitsui OSK Lines	4	273.160	54.632	10,19	Nhật Bản
21	Unique Shpg (H.K.)	4	226.549	56.637	10,48	Hong Kong
22	Vitol Group	4	210.416	52.604	2,83	Thụy Sĩ
23	Geogas Trading	4	223.997	55.999	6,98	Thụy Sĩ
24	Milaha	4	218.044	54.511	13,44	Qatar
25	Kai Heng Long	4	205.858	51.464	29,98	Hong Kong
26	Global Meridian	4	202.364	50.591	4,44	Bermuda

Các tuyến vận chuyển khí hóa lỏng bằng tàu VLGC chủ yếu trên thế giới bao gồm:

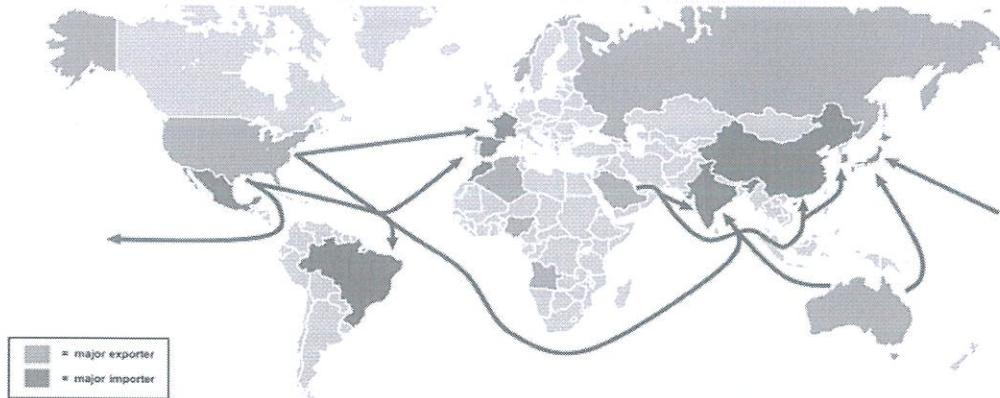
- Khu vực Trung Đông đến Ấn Độ;
- Khu vực Trung Đông đến Đông Nam Á/khu vực Viễn Đông;
- Khu vực Trung Đông đến Châu Âu;
- Mỹ đến Ấn Độ;
- Mỹ đến Châu Âu;
- Úc đến Đông Nam Á/khu vực Viễn Đông;

- Châu Phi đến Đông Nam Á/khu vực Viễn Đông.

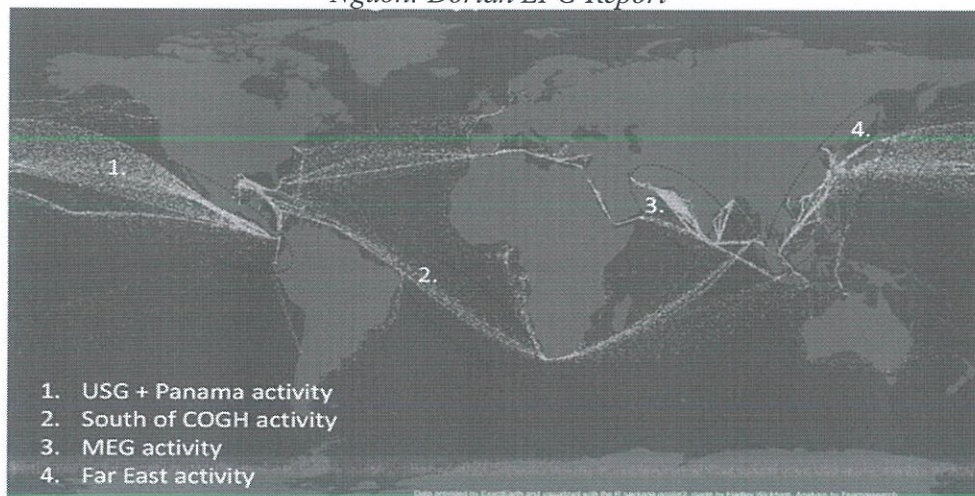
Bản đồ sau đây mô tả các tuyến tàu VLGC vận chuyển qua các khu vực xuất/nhập khẩu khí LPG:

Seaborne LPG Trade Flows

Major VLGC Trade Routes



Nguồn: Dorian LPG Report



Nguồn: Fearnleys Research

II. Thị trường tiêu thụ và vận chuyển LPG trong nước:

1. Tình hình tiêu thụ và cung cấp LPG:

Nhu cầu tiêu thụ LPG của Việt Nam tăng nhanh trong giai đoạn 2014 - 2019, với tốc độ bình quân khoảng trên 10%/năm. Năm 2010, toàn thị trường tiêu thụ 1,25 triệu tấn LPG, đến năm 2019 tăng lên 2,30 triệu tấn và năm 2020 do ảnh hưởng của dịch covid 19 sản lượng tiêu thụ 2,05 triệu tấn vào năm 2020. Giai đoạn từ 2021- 2023 là giai đoạn phục hồi sau dịch covid và nhu cầu LPG bắt đầu tăng nhanh trở lại. Hiện nay LPG được sử dụng nhiều trong dân dụng và các ngành công nghiệp.

Hiện nay Trung Quốc là thị trường chiếm tỷ trọng cao nhất (khoảng 56%), tiếp đó là khu vực Trung Đông (khoảng 35%), còn lại các nước trong khu vực Đông Nam Á (khoảng 9%). Lượng LPG nhập khẩu từ Trung Quốc và các nước trong khu vực Đông Nam Á được vận chuyển chủ yếu bằng tàu LPG size coaster.

III. Thống kê giá cước Timecharter (TC) tàu VLGC trong thời gian qua:

Theo thống kê của Clarkson Research thì TCE khai thác spot trung bình giai đoạn 2019 - 2024 vào khoảng 44.479USD/ngày (TCE - Time charter equivalent: doanh thu bình quân ngày chưa trừ chi phí fixcost (chi phí cố định) bằng tổng cước 01 chuyến trừ đi tổng chi phí khai thác chuyến sau đó chia cho tổng số ngày của chuyến 2 chiều). Sau một thời gian giảm vào năm 2016 – 2018 thì hiện nay TCE trong năm 2020 - 2024 biến động liên tục.

Year	Forecast	Actual
2020	\$ 45.000	\$ 34.922
2021	\$ 45.000	\$ 34.018
2022	\$ 40.000	\$ 35.219
2023	\$ 45.000	\$ 54.518
2024	\$ 50.000	\$ 55.481

Nguồn: Clarksons Research

Trong ngắn hạn, cước vận chuyển LPG sẽ ổn định ở mức cao. Dự báo thị trường vận tải quốc tế và mua bán đối với tàu VLGC của một số tổ chức như sau:

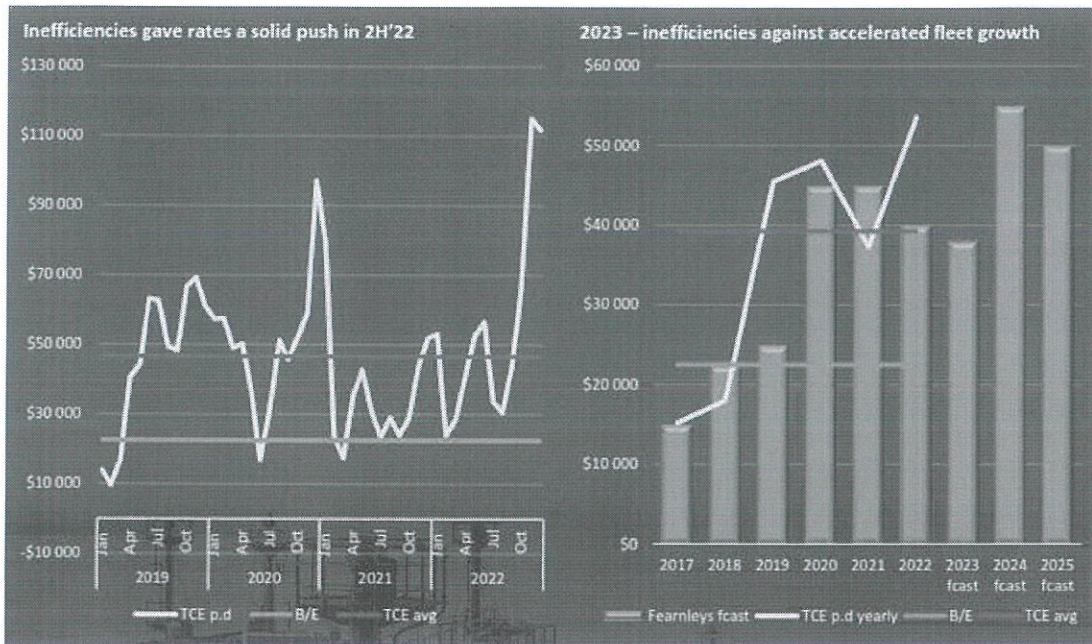
Báo cáo tháng 2/2023 của Clarksons bên dưới cho thấy giá cước TC 1 năm tàu chở LPG với dung tích 84.000 m³ năm 2023 tăng hơn 155% so với năm 2022, năm 2024 tăng 110% so với năm 2023 cụ thể tăng từ 35.220 \$/ngày năm 2022 lên 54.520 \$/ngày năm 2023 lên 72.264 \$/ngày vào ngày 05/01/2024

Nguồn: Clarksons Research Report

IV. Dự báo giá cước Timecharter (TC) tàu VLGC:

Tham khảo dự báo của công ty nhà môi giới uy tín Fearnley cũng như đánh giá triển vọng của nền kinh tế thế giới của nhiều tổ chức đều đánh giá nền kinh tế thế giới sẽ phục hồi. Dự báo thị trường vận tải bằng tàu VLGC quốc tế đến năm 2025 của Fearnley như sau:

TC	ĐVT	2023	2024	2025
1 năm	USD/ngày	54.518	55.481	50.000



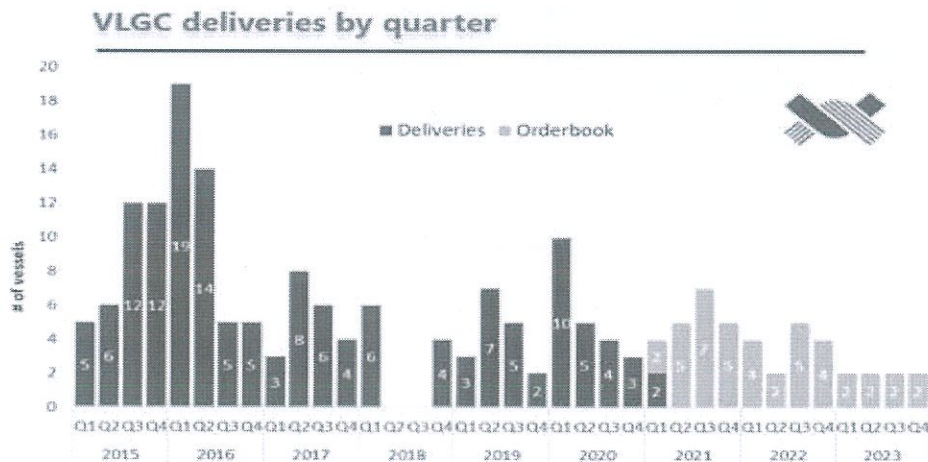
Nguồn: Fearnleys Report

V. Thị trường đóng mới và mua bán tàu VLGC:

1. Đội tàu VLGC trên thế giới:

Hiện nay có 70 chủ tàu đang tham gia khai thác tàu VLGC, trong đó chỉ có 05 chủ tàu có trên 10 tàu, 09 chủ tàu có từ 5 - 8 tàu, 25 chủ tàu có 2 - 4 tàu, trong đó có 31 chủ tàu chỉ có 01 tàu. Các chủ tàu VLGC lớn hiện nay là BW LPG, Dorian LPG, Petredec, Avance Gas và Pacific Gas.

Đến thời điểm hiện tại, toàn bộ đội tàu VLGC gồm 307 chiếc đang hoạt động, trong đó 20 chiếc được sử dụng làm kho chứa nổi.



Nguồn: Fearnleys

2. Thị trường mua bán tàu VLGC:

2.1. Thống kê giao dịch mua bán tàu:

Theo báo cáo thị trường của Clarkson, từ năm 2018 đến nay có 24 tàu VLGC được mua bán, trong đó tàu được giao dịch chủ yếu là tàu trên 15 tuổi, rất ít tàu trẻ được chào bán trên

thị trường. Trong năm 2019 và 2020, giao dịch mua bán tàu VLGC trên thị trường chỉ có 10 tàu giao dịch/năm, cụ thể như sau:

<i>Stt</i>	<i>Tên tàu</i>	<i>Năm đóng</i>	<i>Sức chở (cbm)</i>	<i>Dwt</i>	<i>Nơi đóng</i>	<i>Ngày giao dịch</i>	<i>Giá giao dịch (USD)</i>
1	Gas Marta	2006	83270	54533	Misubishi HI	Mid Apr 2021	Low – mid 40
2	BW Empress	2005	78908	49999	Misubishi HI	Mar 2021	40
3	Lotus Gas	2008	80186	53067	Kawasaki HI	26/03/2021	48
4	Oriental Queen	2004	82525	53194	NIPPON KOKAN	Jan 2021	37,5
5	Crytal Marine	2003	80138	53395	Kawasaki HI	End Dec 2020	37
6	BW Boss	2001	84333	54826	Kawasaki HI Sakaide	11/12/2020	Low-mid 30
7	BW Cedar	2007	82000	58063	Hyundai HI (Ulsan)	04/12/2020	N/A
8	Gas Beauty I	1986	75680	55361	Wartsila Turku	06/11/2020	12
9	Gas Jenny	1991	75353	49345	Kawasaki HI Sakaide	01/10/2020	13
10	Jag Vidhi	1996	78503	49849	MHI Nagasaki	16/09/2020	16
11	Lavender Passage	1996	78451	49708	MHI Nagasaki	10/07/2020	15,7
12	Berge Summit	1990	78.488	50.748	MHI Nagasaki	19/06/2020	11,00
13	Ming Ming	1991	78.482	50.357	MHI Nagasaki	15/06/2020	N/A
14	Cresques	2015	84.146	54.656	Daewoo (DSME)	07/05/2020	71,50
15	Takao Gas	1993	75.358	49.255	Kawasaki HI Kobe	23/12/2019	13,00
16	Kailash Gas	1992	85.827	64.220	Boelwerf	23/09/2019	12,50
17	Palanimala Gas	1992	75.198	49.301	Kawasaki HI Kobe	26/07/2019	11,50
18	Gaz Supplier	1990	78.484	49.996	MHI Nagasaki	05/04/2019	10,50
19	Gas Diana	2000	78.888	49.999	MHI Nagasaki	05/03/2019	18,50
20	Gas Sapphire	1995	78.479	49.743	MHI Nagasaki	20/02/2019	17,00
21	Jag Vishnu	1994	75.209	49.353	Kawasaki HI Kobe	22/01/2019	10,50
22	Ocean Orchid	2001	79.321	49.995	Kawasaki HI Sakaide	22/01/2019	25,00
23	Gas Jasmine	1990	75.203	49.618	Kawasaki HI Sakaide	18/01/2019	9,40
24	Maharashi Vishwamitra	2001	84.333	54.826	Kawasaki HI Sakaide	01/01/2019	N/A

Nguồn Clarkson Research, Breamar.

2.2. Danh sách tàu VLGC đang chào bán

STT	Tàu	Sức chở (cbm)	Năm đóng	Nơi đóng	Giá trị chào bán (triệu USD)
1	GAS POWER	76.000 cbm	2012	Mitsubishi	Khoảng 67/68 triệu usd; delivery 2024

STT	Tàu	Sức chở (cbm)	Năm đóng	Nơi đóng	Giá trị chào bán (triệu USD)
2	BW PRINCESS	80.735 cbm	2008	HYUNDAI HI	Khoảng 60+ triệu usd
3	VENUS GLORY	83.700 cbm	2008	Daewoo Shipbuilding & Marine Engineering Co Ltd	Khoảng mid 66's triệu usd; Dely Sept/Oct 2023 with surveys passed and BWTS fitted.
4	IRIS GLORY	82.026 cbm	2008	Daewoo Shipbuilding & Marine Engineering Co Ltd	Khoảng mid 50's triệu usd; Dely Sept/Oct 2023 with surveys passed and BWTS fitted.
5	CAPTAIN JOHN NP	80.595 cbm	2007	HYUNDAI HI	Khoảng 55 triệu USD

Nguồn: Allied Shipbroking

2.3. Giá tàu bán phá dỡ (Scrap/for Demolition):

Kể từ thời điểm bùng phát dịch COVID-19 từ năm 2020 cho đến nay, một lượng tiền lớn đã được bơm vào thị trường để hỗ trợ nền kinh tế cùng với việc hàng hoá có dấu hiệu khan hiếm khi dây chuyền sản xuất bị đình trệ, dẫn đến việc giá trị của một số hàng hoá tăng mạnh như quặng sắt, dầu thô, thép và các loại hàng hóa thiết yếu như dệt may, ngũ cốc. Điều này đã khiến giá phá dỡ tàu gia tăng từ mức 400 USD/LDT năm 2020 lên đến khoảng 580 USD/LDT năm 2021, 585 USD/LTD năm 2022 và 495 năm 2023

3. Đánh giá khả năng tham gia khai thác trên thị trường quốc tế.

Thị trường vận tải LPG bằng tàu VLGC quốc tế là mở và rất lớn cho tất cả các chủ tàu, PCT với lợi thế có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động vận tải khí hóa lỏng quốc tế, có chi phí vận hành (OPEX) cạnh tranh do tự chủ động được thuyền viên và cán bộ kỹ thuật với chi phí thấp hơn nhiều so với chi phí cùng loại của các hãng tàu nước ngoài sẽ tăng tính cạnh tranh khi khai thác trên thị trường mở quốc tế. Với các mối quan hệ với các môi giới và chủ hàng, các công ty vận tải biển trên thế giới và trong khu vực... thì việc PCT đầu tư tàu VLGC để mở rộng khai thác cho thuê trên tuyến Quốc tế là hoàn toàn khả thi.

CHƯƠNG III

KHÁI QUÁT VỀ TÀU DỰ KIẾN ĐẦU TƯ

I. Những yêu cầu chung:

Tàu dự kiến đầu tư cần phải đáp ứng các thông số kỹ thuật chính sau:

- Loại tàu: Tàu chở khí hóa lỏng (LPG) loại VLGC (Very Large Gas Carrier)
- Sức chở: khoảng 75.000 - 80.000 CBM
- Nơi đóng: Nhật Bản/Hàn Quốc/EU

II. Yêu cầu về thân vỏ:

Phù hợp với Công ước Quốc tế về mạn khô tàu biển (International Load Line Certificate - ILLC 1966) và nghị định thư 1988 của ILLC 1966 (AX ILL I12 đến AX ILL I25).

Phù hợp với các Quy định SOLAS 1974 (Công ước Quốc tế về an toàn và sinh mạng trên biển) - SOLAS I - Phần B, SOLAS II - 1 - Phần B.

Phần chìm cũng như phần nổi đạt được giảm thiểu tối đa có thể về lực cản, lắp đặt các thiết bị tạo lực đẩy cho tàu phải phù hợp và chính xác.

Sơn chống hà vỏ tàu phải là loại sơn đáp ứng được với quy định của IMO: Vỏ tàu phải được sơn bằng loại sơn không có độc tố.

III. Yêu cầu về trang thiết bị an toàn:

Tàu chở LPG có những nguy cơ nguy hiểm thường xuyên đe dọa an toàn như: Cháy, nổ, điện giật, máy móc thiết bị hư hỏng đột xuất... Những nguy cơ hư hỏng này đối với tàu vận tải chở LPG còn có khả năng xảy ra nhiều hơn so với các loại tàu khác.

Để ngăn chặn, phòng ngừa những sự cố, tai nạn có thể xảy ra cho tàu chở LPG, cho thuyền viên và môi trường; tàu phải được trang bị đầy đủ các trang thiết bị an toàn. Các trang thiết bị an toàn của tàu phải được chính quyền của nước tàu mang cờ hoặc cơ quan đăng kiểm có sự ủy quyền của chính quyền tàu mang cờ tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc bất thường nhằm xác nhận sự phù hợp của các trang thiết bị an toàn đối với các quy phạm và luật lệ của nước mà tàu mang cờ.

Tàu bắt buộc phải được trang bị đầy đủ các phương tiện cứu sinh (bè cứu sinh, áo phao cứu sinh cá nhân, bộ quần áo chống mất nhiệt, xuồng cứu sinh), các thiết bị và dụng cụ chữa cháy như bơm cứu hỏa, bình cứu hỏa, hệ thống cứu hỏa...

Về thông tin liên lạc: Tàu phải được trang bị các thiết bị thông tin hiện đại như GMDSS (hệ thống thông tin cứu nạn toàn cầu - Global Maritime Distress and Safety System), máy liên lạc vệ tinh, máy HF, máy VHF, điện thoại vệ tinh. Ngoài ra tàu còn phải được trang bị các thiết bị thu nhận các thông tin hàng hải như máy Navtex, Inmarsat C các thiết bị chỉ báo khẩn cấp vị trí tàu như EPIRB, SART...

Tất cả những thiết bị an toàn của tàu đều phải thỏa mãn các yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng và số lượng cũng như cách thức hoạt động. Đảm bảo cho tàu luôn trong tình trạng an toàn và được kiểm tra theo quy định của công ước SOLAS và các quy định mới nhất của IMO.

CHƯƠNG IV
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

I. Tổng mức đầu tư của dự án:

PCT lựa chọn phương án triển khai dự án mua tàu chở **chở khí hóa lỏng loại VLGC** có sức chứa 75.000 – 80.000 CBM (trọng tải khoảng 45.000 – 50.000 DWT), tùy thuộc vào tình trạng kĩ thuật, size tàu, tuổi tàu... Công ty dự kiến tìm kiếm và đầu tư tàu mức đầu tư của dự án từ 64.000.000 USD – 80.000.000 USD

Trong báo cáo khả thi này, mức đầu tư dự án được tính trên cơ sở bình quân khoảng giá dự kiến như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Thành tiền	Ghi chú
1	Giá mua tàu	USD	66.000.000	
2	Phí trước bạ	USD	20.396	
3	Chi phí khảo sát, giám định tàu và nhận tàu, kiểm toán quyết toán dự án đầu tư,...	USD	100.000	
4	Thuế NK (nếu có)	USD	-	
5	Tổng mức đầu tư	USD	72.720.396	
-	Tổng mức đầu tư chưa bao gồm thuế VAT	USD	66.120.396	
-	Thuế VAT nếu có = 10% * (giá mua tàu + Thuế NK (nếu có))	USD	6.600.000	
6	Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư	USD	72.720.396	
-	Vốn vay các tổ chức tín dụng/tổ chức kinh tế/cá nhân (tối đa 74% tổng mức đầu tư chưa bao gồm thuế VAT)	USD	48.929.093	
-	Vốn chủ sở hữu và vốn khác	USD	23.791.303	

II. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư:

- Nguồn vốn đầu tư:

+ Vốn vay: không vượt quá 74% tổng mức đầu tư chưa bao gồm thuế VAT

- Đối tác vay: Là các tổ chức tín dụng/ tổ chức kinh tế/cá nhân.
- Tài sản đảm bảo: Thế chấp tài sản là con tàu đầu tư, nguồn thu từ việc khai thác con tàu và các tài sản khác theo thông lệ.

- Lãi suất ngân hàng tham khảo (tại Ngân hàng Bảo Việt): các khoản vay trung và dài hạn đang áp dụng tại thời điểm hiện nay là 10,5% thời gian vay là 6 năm, kỳ hạn trả nợ: 12 kỳ/năm.
 - Nguồn trả nợ vay: Khấu hao, lợi nhuận sau thuế từ việc khai thác tàu và các nguồn khác của Công ty.
- + Vốn chủ sở hữu và vốn khác của Công ty: Tổng mức đầu tư - vốn vay
- Vốn chủ sở hữu: Để bổ sung nguồn vốn đầu tư và bảo đảm nguồn vốn lưu động, căn cứ vào dòng tiền Công ty dự kiến phát hành 50.035.493 cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
 - Vốn khác: Tiền và các quỹ khác của Công ty.

CHƯƠNG V

HIỆU QUẢ KINH TẾ DỰ ÁN

I. Doanh thu của dự án:

Doanh thu của dự án được tính toán trên cơ sở thống kê giá cước lịch sử khai thác tàu trên thị trường quốc tế, và sử dụng giá cước dự báo của công ty chuyên ngành và giá cước dự kiến ký hợp đồng. Đối với các dự báo thị trường về giá cước vận tải, các công ty chuyên ngành thông thường phát hành các dự báo thị trường (Market outlook) cho giai đoạn khoảng từ 3-5 năm và không thực hiện dự báo dài hạn hơn đối với ngành vận tải do tính chính xác không còn vì thị trường vận tải LPG chịu ảnh hưởng rất nhiều từ các yếu tố địa chính trị. Với diễn biến tình hình thị trường trong quá khứ và hiện tại, dự báo thị trường của các tổ chức lớn uy tín như Fearley giai đoạn 2023 – 2025, giá cước dự án dự kiến xây dựng trên cơ sở thống kê bình quân giá cước TC giai đoạn 2019 – tháng 01/2024 trong đó: năm 1 bằng giá cước TC thống kê bình quân. Đây cũng là phương pháp phổ biến được sử dụng trong lĩnh vực vận tải biển.

1. Phương án khai thác cho thuê định hạn (TC):

Trên thế giới, việc khai thác tàu sẽ tùy thuộc vào khả năng và quy mô của từng chủ tàu. Thông thường các chủ tàu nhỏ sẽ lựa chọn phương án cho thuê tàu theo hình thức Time Charter (TC) để tận dụng thời gian khai thác, còn các chủ tàu lớn, hãng tàu của các chủ dầu lớn (Shipping Arm) hoặc các nhóm các chủ tàu (Shipping Pool) thuê tàu lại của các chủ tàu nhỏ hoặc các tàu lẻ để vận chuyển cho các chủ hàng có khối lượng vận chuyển lớn, ổn định sẵn có của mình. Do vậy, phương án cho thuê TC là phương án khai thác đảm bảo tính liên tục cũng như hiệu quả ổn định của dự án.

Doanh thu hàng năm của dự án sẽ được tính toán trên các biến số sau:

- Số ngày khai thác tàu trong năm.
- Giá cước cho thuê TC/ngày.

$$\text{Doanh thu năm} = \text{Giá cước TC/ngày} \times \text{Số ngày khai thác/năm}$$

II. Phương pháp tính toán các thông số chi phí của dự án.

Chi phí hàng năm của dự án, tùy vào số năm khai thác và tuổi tàu có thể bao gồm: Chi phí cố định và chi phí biến đổi.

1. Chi phí biến đổi (Variable cost):

Là các khoản chi phí phát sinh khi tàu hoạt động, đối với dự án thì đây là chi phí khai thác (running cost), có thể bao gồm các hạng mục chi tiết phí như sau:

- Chi phí nhiên liệu.
- Chi phí môi giới và chi phí khác.

2. Chi phí cố định (Fixed cost)

Là các khoản chi phí phát sinh kể cả khi tàu không hoạt động, bao gồm các hạng mục như: Chi phí hoạt động (OPEX) và Chi phí vốn (CAPEX).

- Chi phí OPEX gồm các chi tiết phí như sau:
 - o Chi phí vật tư phụ tùng tiêu hao và thay thế.
 - o Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định.
 - o Chi phí dầu nhớt.
 - o Chi phí sửa chữa định kỳ (IS và SS), nâng cấp theo công ước.
 - o Chi phí bảo hiểm: thân máy, trách nhiệm dân sự, thuyền viên.
 - o Chi phí thuyền viên nước ngoài và thuyền viên trong nước.
 - o Chi phí quản lý văn phòng, quản lý kỹ thuật tàu.
 - o Chi phí khác: chi phí bảo dưỡng thiết bị hành hải, thông tin liên lạc, cước thông tin liên lạc, ấn phẩm hàng hải, thiết bị an toàn khác.
- Chi phí CAPEX gồm các chi tiết phí như sau:
 - o Chi phí khấu hao tàu.
 - o Chi phí lãi vay ngân hàng.
 - o Chi phí chênh lệch tỷ giá

III. Tính toán hiệu quả kinh tế của dự án:

1. Các thông số đầu vào áp dụng trong tính toán hiệu quả kinh tế của dự án:

Bảng thông số đầu vào áp dụng trong tính toán hiệu quả kinh tế của dự án sẽ bao gồm các nội dung sau:

STT	NỘI DUNG	Đơn vị	Giá trị		Ghi chú
			USD	Tr. VND	
I	THÔNG SỐ ĐẦU TƯ				
1	Tổng giá trị đầu tư	USD	72,720,396	1,782,741	
	Giá mua tàu (USD)		66,000,000	1,617,990	
2	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		72,720,396	1,782,741	
	<i>Vốn vay ngân hàng (tối đa 74% tổng mức đầu tư chưa bao gồm thuế VAT)</i>	USD	48,929,093	1,199,497	
	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	USD	23,791,303	583,244	Vốn chủ sở hữu
3	Lãi suất vay NH (6 năm)	%/năm	10.5%		Vốn vay VND
4	Kỳ trả nợ gốc	kỳ/năm	12		
5	Suất chiết khấu dự án (WACC của dự án)	%	9.9%		
6	Tuổi tàu tính toán hiệu quả dự án	năm	15		

STT	NỘI DUNG	Đơn vị	Giá trị		Ghi chú
7	Vòng đời khai thác tàu	năm	30		
8	Số năm dự án	năm	15		
9	Số ngày khai thác trung bình trong năm				
	<i>Từ 10 - 15 tuổi</i>	<i>ngày / năm</i>	355		
	<i>Từ 16 - 20 tuổi</i>	<i>ngày / năm</i>	355		
	<i>Từ 21 - 25 tuổi</i>	<i>ngày / năm</i>	350		
	<i>Thời gian sửa chữa SS / DD</i>	<i>ngày</i>	25 ngày		
10	Thời gian khấu hao	Năm	15 năm		Theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.
11	Thuế thu nhập doanh nghiệp	%	20%		
II	DOANH THU				
1	Từ 10 - 14 tuổi	USD/ngày	44,795		Giá cước trung bình từ năm 2019 -2024
2	Từ 15 -19 tuổi	USD/ngày	42,555		95% trung bình 6 năm từ 2019-2024
	Từ 20 - 25 tuổi	USD/ngày	38,076		85% trung bình 6 năm 2019-2024
3	Giá bán thanh lý tàu (405 USD * 18.200 LTD)	USD	6,289,920		80% bình quân 10 năm
III	CHI PHÍ	ĐVT			
1	Chi phí Opex				
+	Từ 14 - 15 tuổi	USD/ngày	5,613		
+	Từ 16 - 20 tuổi	USD/ngày	5,583		
+	Từ 21 - 25 tuổi	USD/ngày	5,432		
2	Chi phí lắp đặt hệ thống xử lý nước dẫn kết ballast	USD/lần	800,000		Nếu tàu chưa lắp BWS
3	Chi phí vốn Capex	USD/ngày	24,898		
IV	HIỆU QUẢ DỰ ÁN	ĐVT			

STT	NỘI DUNG	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
1	NPV	USD	10,209,244	
2	IRR	%	12.46%	
3	Thời gian hoàn vốn có chiết khấu	năm	11.18	

(Chi tiết cơ sở xây dựng doanh thu, chi phí đính kèm bao gồm 12 phụ lục)

2. Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của dự án:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	IRR (không thấp hơn)	%	12.46%
2	NPV dự án (không thấp hơn)	USD	10.209.244
3	Thời gian hoàn vốn có chiết khấu	Năm	11.18

(Bảng tính toán chi tiết hiệu quả kinh tế dự án đính kèm)

3. Đánh giá rủi ro và các biện pháp phòng ngừa rủi ro:

4.1. Rủi ro về thị trường đầu ra:

Một trong những rủi ro đối với tàu LPG loại VLGC sau khi đầu tư là cạnh tranh với các tàu hiện hữu trên thị trường, với kinh nghiệm quản lý và khai thác đội tàu trong nhiều năm qua, PCT đánh giá phương án kinh doanh khai thác gắn liền với phương án đầu tư tàu như sau:

- Nhu cầu vận chuyển LPG bằng tàu VLGC tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới sau khi dịch Covid 19 được kiểm soát và kinh tế thế giới phục hồi, đặc biệt là các tuyến vận chuyển về khu vực Châu Á Thái Bình Dương – khu vực có nền kinh tế phát triển mạnh nhất trên thế giới.
- Như đã phân tích ở các phần trước, nếu đầu tư tàu ở giai đoạn hiện nay cộng với việc PCT tự quản lý khai thác, quản lý kỹ thuật tàu để tiết kiệm chi phí cố định thì giá cước chào ra thị trường quốc tế của chủ đầu tư sẽ cạnh tranh hơn so với các chủ tàu khác.
- PCT là đơn vị đã có hơn 06 năm quản lý tàu LPG tại thị trường quốc tế, vì vậy PCT có nhiều network với các charterer/broker như SSY, McQuilling, Howe Robinson, Arrow, Maersk, Fearnleys, Navig8, Eastport, Glamour Glob... Ngay từ giai đoạn nghiên cứu khả thi, PCT đã liên hệ với nhiều charterer quan tâm đến tàu VLGC đảm bảo ngay khi tàu đầu tư có ngay hợp đồng cho thuê.

Như vậy, việc thực hiện khai thác tàu VLGC trên thị trường quốc tế là khả thi.

4.2. Rủi ro về giá cước:

Với diễn biến tình hình thị trường trong quá khứ và hiện tại, dự báo thị trường của các tổ chức lớn uy tín như Fearnley giai đoạn 2023 – 2025 thì kế hoạch giá cước của dự án là khá thận trọng. Mức cước dự án các năm tương đương khoảng 60% - 70% giá cước dự báo của Fearnley.

Phương án khai thác như trình bày ở phần trên là giải pháp kiểm soát và hạn chế rủi ro khi giá cước trên thị trường quốc tế khó khăn. Trường hợp giá cước diễn biến xấu và thấp hơn mức dự kiến thì PCT bằng kinh nghiệm quản lý và khai thác tàu của mình sẽ thực thi các giải pháp chính nhằm tiết kiệm tối đa chi phí của dự án như chi phí thuyền viên, chi phí bảo trì bảo dưỡng, chi phí vật tư tiêu hao, chi phí bảo hiểm, chi phí lãi vay, chi phí quản lý.

4.2. Rủi ro về chi phí hoạt động:

Một trong các điểm mạnh của PCT là sự cạnh tranh về chi phí Opex của tàu LPG đã được minh chứng suốt 7 năm qua tại thị trường Việt Nam, nhiều chủ tàu tư nhân đã thuê PCT quản lý và tư vấn quản lý do chi phí và chất lượng cạnh tranh nên rủi ro về gia tăng chi phí là thấp.

Ngoài ra, PCT đã có kinh nghiệm quản lý tàu loại tàu VLGC từ năm 2018, do vậy việc kiểm soát chi phí là việc làm thường xuyên của PCT trong vận hành và khai thác tàu. Để đảm bảo tính toán toàn, chi phí Opex đã được tính toán và dự phòng tăng 3% sau mỗi 5 năm.

4.4. Rủi ro về lãi suất vay vốn.

Với chính sách điều hành và kiểm soát của nhà nước về lãi suất, trong thời gian qua lãi suất cho vay của các ngân hàng đã giảm và dự kiến sẽ còn tiếp tục giảm trong thời gian tới. Do vậy, PCT xây dựng mức lãi suất VNĐ ở mức 10,5% là phù hợp.

Trong quá trình khai thác tàu sau đầu tư, trên cơ sở các chỉ số tài chính được các Ngân hàng đánh giá tốt thì công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc khoản vay để được lãi suất tốt hơn, tạo điều kiện củng cố và gia tăng dòng tiền cũng như hiệu quả của Dự án.

Như vậy, rủi ro về lãi vay đã được nhận diện và kiểm soát được.

4.5. Rủi ro về tài sản:

Theo qui định của Nhà nước thời gian khấu hao được phép điều chỉnh 1 lần trong đời dự án, vì vậy khi điều kiện thị trường thuận lợi, PCT sẽ xem xét rút ngắn thời gian khấu hao để mang đến sự an toàn và rút ngắn thời gian thu hồi vốn cho dự án.

Ngoài ra, đây cũng là phân khúc ít có rủi ro về tài sản với giá trị thanh lý sắt vụn của tàu VLGC đã lên tới hơn 6,2 triệu USD, đảm bảo trong công tác thu hồi vốn.

Như vậy, các rủi ro đã được nhận diện và có biện pháp kiểm soát

CHƯƠNG VI

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

Lĩnh vực hoạt động vận tải là một lĩnh vực luôn đòi hỏi sự thay đổi và nắm bắt các xu hướng, cơ hội thị trường cũng như nhận diện từ sớm nguy cơ để có giải pháp phòng ngừa. Trên thực tế thế giới các công ty shipping luôn phải liên tục tái cấu trúc tài sản, thị trường để bắt kịp các nhu cầu vận tải thế giới ngày càng thay đổi nhanh và mạnh. Do vậy, việc PCT tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh vận tải LPG loại VLGC là cần thiết và phù hợp.

Dự án đầu tư tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC nằm trong kế hoạch năm 2023, việc xây dựng dự án đầu tư tàu được thực hiện cẩn trọng, các rủi ro được nhận diện và có biện pháp phòng ngừa.

Dự án đầu tư tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC là cơ sở vững chắc giúp đơn vị mở rộng quy mô kinh doanh, mở rộng hoạt động vận tải trên thị trường quốc tế để PCT vượt qua những thách thức, giảm thiểu nguy cơ và tạo tiền đề để phát triển ổn định bền vững trong những năm tiếp theo, qua đó góp phần tăng doanh thu và tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho các cổ đông.

Do vậy, để triển khai đầu tư dự án đầu tư tàu chở LPG loại VLGC, PCT đã xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC như trình bày ở trên.

II. Kiến nghị

Trên cơ sở trình bày ở trên, Công ty kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét phê duyệt dự án đầu tư tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC như sau:

1. Loại tàu: Đầu tư tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC có sức chứa 75.000 – 80.000 CBM (trọng tải khoảng 45.000 – 50.000 DWT).
- Tổng mức đầu tư dự án: từ 64.000.000 USD - 80.000.000 USD.
- Nơi đóng tàu: Nhật Bản/ Hàn Quốc/EU.
- Tiến độ thực hiện đầu tư: Từ Quý II năm 2024.
- Nguồn vốn cho dự án:
 - Vốn vay của các tổ chức tín dụng/tổ chức kinh tế/cá nhân: không vượt quá 74% tổng mức đầu tư (chưa bao gồm thuế VAT).
 - Vốn chủ sở hữu và vốn khác: Tổng mức đầu tư (đã bao gồm thuế VAT) – 74% tổng mức đầu tư (chưa bao gồm thuế VAT).
- Các chỉ tiêu hiệu quả không thấp hơn:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR)	%	12.46%
2	Giá trị hiện tại thuần (NPV) dự án	USD	10.209.244

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt/quyết định toàn bộ các bước tiếp theo để triển khai kế hoạch đầu tư (tổng mức đầu tư và nguồn vốn cho dự án chi tiết, phương án đầu tư, kế hoạch mua tàu, lựa chọn loại tàu phù hợp, kết

quả chào giá, lựa chọn tàu để đầu tư, quyết toán hoàn thành dự án đầu tư, thanh lý và các nội dung liên quan khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đối với việc đầu tư mua tàu) theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả đầu tư mua tàu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

a. Phê duyệt/quyết định tình hình thực tế huy động vốn sẽ điều chỉnh tỉ lệ nguồn vốn đầu tư mua tàu: tỉ lệ nguồn vốn vay không vượt 74% tổng giá trị đầu tư (chưa bao gồm thuế GTGT) trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả đầu tư mua tàu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. Phê duyệt huy động vốn vay mua tàu bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- Lựa chọn ngân hàng, tổ chức tín dụng, cá nhân có khả năng tài trợ tín dụng với giá trị vay không vượt 74% tổng giá trị đầu tư (chưa bao gồm thuế GTGT). Lãi vay của đối tượng cho vay không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế không vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay (Điểm 17 Khoản 2 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC quy định).

- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc huy động vốn vay phục vụ mua tàu trong quá trình làm việc với bên cấp tín dụng.

Kính trình.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THỊ NGỌC ĐEP





PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ TÍNH TOÁN DỰ ÁN

Tỷ giá:

STT	NỘI DUNG	Đơn vị	Giá trị		Ghi chú
			USD	Tr. VND	
I	THÔNG SỐ ĐẦU TƯ				
1	Tổng giá trị đầu tư	USD	72,720,396	1,782,741	
	Giá mua tàu (USD)		66,000,000	1,617,990	
2	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		72,720,396	1,782,741	
	<i>Vốn vay ngân hàng (tối đa 74% tổng mức đầu tư chưa bao gồm thuế VAT)</i>	USD	48,929,093	1,199,497	
	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	USD	23,791,303	583,244	Vốn chủ sở hữu
3	Lãi suất vay NH (6 năm)	%/năm	10.5%		Vốn vay VNĐ
4	Kỳ trả nợ gốc	kỳ/năm	12		
5	Suất chiết khấu dự án (WACC của dự án)	%	9.9%		
6	Tuổi tàu tính toán hiệu quả dự án	năm	15		
7	Vòng đời khai thác tàu	năm	30		
8	Số năm dự án	năm	15		
9	Số ngày khai thác trung bình trong năm				
	<i>Từ 10 - 15 tuổi</i>	<i>ngày / năm</i>	<i>355</i>		
	<i>Từ 16 - 20 tuổi</i>	<i>ngày / năm</i>	<i>355</i>		
	<i>Từ 21 - 25 tuổi</i>	<i>ngày / năm</i>	<i>350</i>		
	<i>Thời gian sửa chữa SS / DD</i>	<i>ngày</i>	<i>25 ngày</i>		
10	Thời gian khấu hao	Năm	15 năm		Theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.
11	Thuế thu nhập doanh nghiệp	%	20%		
II	DOANH THU				
1	Từ 10 - 14 tuổi	USD/ngày	44,795		Giá cước trung bình năm 2024
2	Từ 15 - 19 tuổi	USD/ngày	42,555		95% trung bình 5 năm 2020-2024
	Từ 20 - 25 tuổi	USD/ngày	38,076		90% trung bình 5 năm 2020-2024
3	Giá bán thanh lý tàu (405 USD * 18.200 LTD)	USD	6,289,920		80% bình quân 10 năm
III	CHI PHÍ	ĐVT			
1	Chi phí Opex				
+	Từ 14 - 15 tuổi	USD/ngày	5,613		
+	Từ 16 - 20 tuổi	USD/ngày	5,583		
+	Từ 21 - 25 tuổi	USD/ngày	5,432		
2	Chi phí lắp đặt hệ thống xử lý nước dẫn kết ballast	USD/lần	800,000		Nếu tàu chưa lắp BWS
3	Chi phí vốn Capex	USD/ngày	24,898		
IV	HIỆU QUẢ DỰ ÁN	ĐVT			
1	NPV	USD	10,209,244		
2	IRR	%	12.46%		
3	Thời gian hoàn vốn có chiết khấu	năm	11.18		

PHỤ LỤC 2
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ TÀU VLGC

Stt	Nội dung	ĐVT	Thành tiền	Ghi chú
1	Giá mua tàu	USD	66,000,000.00	
2	Phí trước bạ	USD	20,396.00	
3	Chi phí khảo sát, giám định tàu và nhận tàu, kiểm toán quyết toán dự án đầu tư,...	USD	100,000.00	
4	Thuế NK (nếu có)	USD		
5	Tổng mức đầu tư chưa VAT	USD	66,120,396.00	
+	Vốn vay ngân hàng (tối đa 74% tổng mức đầu tư chưa bao gồm thuế)	USD	48,929,093.00	
+	Vốn chủ sở hữu	USD	17,191,303.00	
+	Thuế VAT nếu có = 10% * (Giá mua tàu + Thuế NK nếu có)	USD	6,600,000.00	
5	Tổng mức đầu tư	USD	72,720,396.00	

PHỤ LỤC 3
THỐNG KÊ CƯỚC TÀU VLGC GIAI ĐOẠN 2014 - 2024

Date	1 Year Timecharter Rate VLGC (\$/day)
2019	32,829
2020	34,922
2021	34,018
2022	35,220
2023	54,520
2024	77,262
Trung bình	44,795

© Clarkson Research Services Limited

PHỤ LỤC 5

THỐNG KÊ GIÁ BÁN THANH LÝ TÀU GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

Date	Scrap Price \$/ldt
2014	455
2015	295
2016	295
2017	435
2018	415
2019	365
2020	400
2021	580
2022	585
2023	495
Trung bình	432



PHỤ LỤC 6
TCE VÀ CHI PHÍ KHAI THÁC (RUNNING COST) TÀU VLGC

Stt	Khoản mục chi phí	Đvt	TIME CHARTER														
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Cơ sở tính toán																
1	Tuổi tàu	năm	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
2	Tàu sửa chữa định kỳ (Docking)	ngày		25			25		25			25		25			25
3	Ngày khai thác trong năm	ngày	355	335	355	355	335	355	335	355	355	335	355	335	355	355	335
4	TC rate	usd/ngày	44,795	42,555	42,555	42,555	42,555	42,555	38,076	38,076	38,076	38,076	38,076	33,596	33,596	33,596	33,596
II	Giá cước và doanh thu																
	Giá thuê tàu	usd/ngày	44,795	42,555	42,555	42,555	42,555	42,555	38,076	38,076	38,076	38,076	38,076	33,596	33,596	33,596	33,596
	Doanh thu cho thuê TC năm	usd	15,902,284	14,256,062	15,107,170	15,107,170	14,256,062	15,107,170	12,755,424	13,516,942	13,516,942	12,755,424	13,516,942	11,254,786	11,926,713	11,926,713	11,254,786
III	Chi phí khai thác (running cost)		60,000	87,200	60,000	60,000	87,200	60,000	87,200	60,000	60,000	87,200	60,000	87,200	60,000	60,000	87,200
1	Chi phí nhiên liệu	usd	40,000	67,200	40,000	40,000	67,200	40,000	67,200	40,000	40,000	67,200	40,000	67,200	40,000	40,000	67,200
2	Chi phí nước ngọt, đại lý	usd	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000
3	Chi phí Broker	usd															
IV	Tổng doanh thu - Chi phí running cost	usd	15,842,284	14,168,862	15,047,170	15,047,170	14,168,862	15,047,170	12,668,224	13,456,942	13,456,942	12,668,224	13,456,942	11,167,586	11,866,713	11,866,713	11,167,586
	TCE	usd/ngày	43,404	38,819	41,225	41,225	38,819	41,225	34,707	36,868	36,868	34,707	36,868	30,596	32,512	32,512	30,596

PHỤ LỤC 8
BẢNG TÍNH CHI PHÍ BẢO HIỂM

DVT: USD

Tên tàu	Giá trị hiện tại của tàu	Gross Tán	P&I	Hull & M	Cộng
Tàu VLGC	66,120,396	48,772	136,562	165,301	301,900

P&I (USD/GRT):	2.80
Hull & M Insurance (% giá tàu)	0.25%
BH TV + PVI fee	12,000

	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Giá trị tàu tính phí BH	66,120,396	61,712,370	57,304,343	52,896,317	48,488,290	44,080,264	39,672,238	35,264,211	30,856,185	26,448,158	26,448,158	26,448,158	26,448,158	26,448,158	26,448,158
P&I (USD/GRT):	136,562	136,562	136,562	136,562	136,562	136,562	136,562	136,562	136,562	136,562	136,562	136,562	136,562	136,562	136,562
Hull & M (% giá tàu)	165,301	154,281	143,261	132,241	121,221	110,201	99,181	88,161	77,140	66,120	66,120	66,120	66,120	66,120	66,120
BH TV + PVI fee	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000



PHỤ LỤC 9
CHI PHÍ THUYỀN VIÊN TÀU VLGC

Đơn vị tính: USD

STT	Chức danh	Chi phí thuyền viên (VND/ tháng)	Quy đổi USD/ tháng (24.500 đồng/ USD)	Quy đổi USD/ năm (24.500 đồng/ USD)
1	Thuyền trưởng	176,000,000	7,179	86,151
2	Đại phó	135,000,000	5,507	66,082
3	Máy trưởng	142,000,000	5,792	69,508
4	Máy 2	110,000,000	4,487	53,845
5	Phó 2	58,000,000	2,366	28,391
6	Phó 3	46,000,000	1,876	22,517
7	Máy 3	58,000,000	2,366	28,391
8	Máy 4	45,000,000	1,836	22,027
9	Sỹ quan điện	52,000,000	2,121	25,454
10	Thủy thủ trưởng	45,000,000	1,836	22,027
11	Thợ cả	45,000,000	1,836	22,027
12	Thủy thủ AB	35,000,000	1,428	17,132
13	Thủy thủ AB	35,000,000	1,428	17,132
14	Thủy thủ AB	35,000,000	1,428	17,132
15	Thủy thủ OS	30,000,000	1,224	14,685
16	Thủy thủ OS	30,000,000	1,224	14,685
17	Thủy thủ OS	30,000,000	1,224	14,685
18	Thợ máy AB	35,000,000	1,428	17,132
19	Thợ máy AB	35,000,000	1,428	17,132
20	Thợ máy AB	35,000,000	1,428	17,132
21	Thợ máy OS	30,000,000	1,224	14,685
22	Thợ máy OS	30,000,000	1,224	14,685
23	Bếp trưởng	38,000,000	1,550	18,601
24	Phục vụ	28,000,000	1,142	13,706
	Tổng cộng	1,338,000,000	54,579	654,946

PHU LUC 10
BẢNG TÍNH LÃI VAY VÀ KẾ HOẠCH TRẢ NỢ VAY

Số tiền giải ngân 70%
Thời hạn vay
Lãi suất

48,929,093 USD
6 năm
10.5% năm

STT	Dư nợ gốc	Trả gốc	Lãi vay/kỳ	Lãi vay/năm
1	48,249,522	679,571	428,130	4,679,694
2	47,569,952	679,571	416,237	
3	46,890,381	679,571	410,291	
4	46,210,810	679,571	404,345	
5	45,531,239	679,571	398,398	
6	44,851,669	679,571	392,452	
7	44,172,098	679,571	386,506	
8	43,492,527	679,571	380,560	
9	42,812,956	679,571	374,613	
10	42,133,386	679,571	368,667	
11	41,453,815	679,571	362,721	
12	40,774,244	679,571	356,775	
13	40,094,673	679,571	350,828	
14	39,415,103	679,571	344,882	3,817,489
15	38,735,532	679,571	338,936	
16	38,055,961	679,571	332,990	
17	37,376,390	679,571	327,043	
18	36,696,820	679,571	321,097	
19	36,017,249	679,571	315,151	
20	35,337,678	679,571	309,205	
21	34,658,108	679,571	303,258	
22	33,978,537	679,571	297,312	
23	33,298,966	679,571	291,366	
24	32,619,395	679,571	285,420	
25	31,939,825	679,571	279,473	
26	31,260,254	679,571	273,527	
27	30,580,683	679,571	267,581	
28	29,901,112	679,571	261,635	
29	29,221,542	679,571	255,688	
30	28,541,971	679,571	249,742	
31	27,862,400	679,571	243,796	
32	27,182,829	679,571	237,850	
33	26,503,259	679,571	231,904	
34	25,823,688	679,571	225,957	
35	25,144,117	679,571	220,011	
36	24,464,547	679,571	214,065	
37	23,784,976	679,571	208,119	2,104,970
38	23,105,405	679,571	202,172	
39	22,425,834	679,571	196,226	
40	21,746,264	679,571	190,280	
41	21,066,693	679,571	184,334	
42	20,387,122	679,571	178,387	
43	19,707,551	679,571	172,441	
44	19,027,981	679,571	166,495	
45	18,348,410	679,571	160,549	
46	17,668,839	679,571	154,602	
47	16,989,268	679,571	148,656	
48	16,309,698	679,571	142,710	
49	15,630,127	679,571	136,764	
50	14,950,556	679,571	130,817	
51	14,270,985	679,571	124,871	
52	13,591,415	679,571	118,925	
53	12,911,844	679,571	112,979	
54	12,232,273	679,571	107,032	
55	11,552,703	679,571	101,086	
56	10,873,132	679,571	95,140	
57	10,193,561	679,571	89,194	
58	9,513,990	679,571	83,247	
59	8,834,420	679,571	77,301	
60	8,154,849	679,571	71,355	

61	7,475,278	679,571	65,409	
62	6,795,707	679,571	59,462	
63	6,116,137	679,571	53,516	
64	5,436,566	679,571	47,570	
65	4,756,995	679,571	41,624	
66	4,077,424	679,571	35,677	
67	3,397,854	679,571	29,731	392,452
68	2,718,283	679,571	23,785	
69	2,038,712	679,571	17,839	
70	1,359,141	679,571	11,892	
71	679,571	679,571	5,946	
72	(0)	679,571	(0)	
		48,929,093	15,204,546	15,204,546

PHỤ LỤC 11

BẢNG TÍNH CHI PHÍ HOÀN VỐN NỘI BỘ TỐI THIỂU (IRR_{min})

$$WACC = (I_{csh}/I) * icsh\% + (I_v/I) * iv\% * (1 - t\%)$$

Trong đó:

I _{csh} : Tổng vốn chủ sở hữu trong tổng vốn đầu tư dự án:	23,791,303 USD
I _v : Tổng vốn vay trong tổng vốn đầu tư dự án:	48,929,093 USD
I: Tổng vốn đầu tư dự án:	72,720,396 USD
icsh%: Tỷ suất sinh lợi của vốn chủ sở hữu	10%
iv%: tỷ lệ lãi vay của vốn vay:	10.50% /năm
t: thuế thu nhập doanh nghiệp:	20% /năm

WACC = 8.9%

$$IRR_{min} = WACC + i + Re$$

Re: Hệ số rủi ro được tính toán theo từng loại dự án

dự án trong lĩnh vực vận
1% chuyên, tàng trữ các sản
phẩm dầu khí là 1%

IRR_{min} = 9.9%

PHỤ LỤC 12
TÍNH TOÁN ĐỘ NHẠY CHO DỰ ÁN TÀU VLGC

NPV	Biến thiên của doanh thu					
	10,209,244	110%	105%	100%	95%	90%
Biến thiên của chi phí	110%	17,536,418	13,262,751	8,989,083	4,715,416	441,749
	105%	18,146,498	13,872,831	9,599,164	5,325,497	1,051,830
	100%	18,756,578	14,482,911	10,209,244	5,935,577	1,661,910
	95%	19,366,658	15,092,991	10,819,324	6,545,657	2,271,990
	90%	19,976,738	15,703,071	11,429,404	7,155,737	2,882,070

IRR	Biến thiên của doanh thu					
	12.46%	110%	105%	100%	95%	90%
Biến thiên của chi phí	110%	14.22%	13.20%	12.16%	11.11%	10.04%
	105%	14.36%	13.34%	12.31%	11.26%	10.19%
	100%	14.50%	13.49%	12.46%	11.41%	10.34%
	95%	14.64%	13.63%	12.60%	11.56%	10.50%
	90%	14.78%	13.77%	12.75%	11.71%	10.65%

Số: 10/TTTr-PCT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2024



TỜ TRÌNH

**Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để
tăng vốn điều lệ Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 1/1/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực từ ngày 1/1/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam;
- Căn cứ tình hình và nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty.

Để thực hiện định hướng chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (Công ty/PCT) và nhằm nâng cao năng lực tài chính, đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro. Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ (VĐL) với một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

I. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU

1. **Tổ chức phát hành:** Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam
2. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam
3. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
4. **Mã cổ phiếu:** PCT
5. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
6. **Tổng số cổ phiếu đã phát hành:** 50.035.493 cổ phần
7. **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phần
8. **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 50.035.493 cổ phần
9. **Vốn điều lệ trước khi chào bán:** 500.354.930.000 đồng

10. **Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:** 50.035.493 cổ phần
11. **Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành):** 100%
12. **Giá chào bán:** 10.000 đồng/cổ phần
13. **Cơ sở xác định giá chào bán**

- Giá trị sổ sách (tại ngày 31/12/2023) là:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$
$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{575.769.691.283}{50.035.493} = 11.507 \text{ đồng}$$

- Giá thị trường: Bình quân giá đóng cửa 30 phiên giao dịch gần cổ phiếu PCT tại sàn HNX tính đến ngày 19/02/2024 là 7.460 đồng/cổ phiếu.

Xác định giá chào bán: Trên cơ sở giá trị sổ sách và giá thị trường, HĐQT Công ty đề xuất giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

14. **Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá** : 500.354.930.000 đồng
15. **Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán** : 500.354.930.000 đồng
16. **Mức vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán** : 1.000.709.860.000 đồng
17. **Thời gian chào bán dự kiến:** Từ Quý 2 năm 2024, sau khi được UBCKNN chấp thuận. Ủy quyền cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định của Pháp luật
18. **Phương thức chào bán:** Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
19. **Đối tượng chào bán:** Cổ đông hiện hữu của PCT có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp.
20. **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 1:1 tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì sẽ nhận được 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ 01 quyền mua sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới phát hành thêm.
21. **Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:** Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu được phép chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ chuyển nhượng một lần duy nhất (Bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho bên thứ 3). Quyền mua cổ phiếu được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận của hai bên. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá và thanh toán tiền nhượng quyền. Thời hạn và thủ tục chuyển nhượng quyền này sẽ theo thông báo của VSDC (đối với cổ đông đã lưu ký) và Công ty (đối với cổ đông chưa lưu ký).
22. **Phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu còn dư (nếu có)**

19.1 Phương án làm tròn và xử lý số lượng cổ phiếu lẻ

- Do tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 nên không có cổ phiếu lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ phát sinh.

19.2 Phương án xử lý cổ phiếu còn dư

- Đối với số cổ phiếu còn dư mà cổ đông không mua hết (nếu có) sẽ do Hội đồng quản trị xác định đối tượng, số lượng phân phối nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty. Mức giá bán cổ phiếu còn dư không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Số cổ phiếu chào bán nêu trên bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Trong trường hợp đối tượng được HĐQT lựa chọn để tiếp tục phân phối cổ phiếu thuộc đối tượng phải thực hiện chào mua công khai thì đối tượng đó có trách nhiệm thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
- Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Đảm bảo không phân phối cổ phiếu cho các công ty con, công ty con trong cùng công ty mẹ theo quy định tại Khoản 2, Điều 195 Luật doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14.
- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

23. Hạn chế chuyển nhượng:

- Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu mua theo quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.
- Các cổ đông trong tình trạng bị hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu, số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được HĐQT phân phối lại cho nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

24. Mức độ pha loãng của cổ phiếu dự kiến sau phát hành:

- Việc chào bán cổ phiếu sẽ gây ra pha loãng giá Cổ phiếu, pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu, pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

Pha loãng cổ phiếu

- Điều chỉnh kỹ thuật giá Cổ phiếu đối với phát hành cho cổ đông hiện hữu: việc phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ khiến giá cổ phiếu bị điều chỉnh kỹ thuật do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) tính toán. Theo đó, công thức tính như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{r1})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá tham chiếu điều chỉnh trong ngày giao dịch không hưởng quyền

PR_{t-1} : Giá tham chiếu của cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền

P_{r1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu

Rủi ro pha loãng EPS:

Theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên một cổ phiếu $EPS = \text{Lợi nhuận sau thuế/Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân}$

$$\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X \times 12 + Y \times t}{12}$$

Trong đó:

X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành

Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm

t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

Pha loãng về giá trị sổ sách:

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần Công ty sẽ bị thay đổi trong trường hợp phát hành thấp hơn giá trị sổ sách mỗi cổ phần tại thời điểm phát hành.

Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:

Do việc phát hành được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Trường hợp cổ đông từ bỏ hoặc chuyển nhượng quyền có thể làm giảm tỷ lệ sở hữu, giảm tỷ lệ biểu quyết tương ứng.

25. Mục đích chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán này được sử dụng để bổ sung vốn đầu tư tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC có sức chứa 75.000 – 80.000 CBM (trọng tải khoảng 45.000 – 50.000 DWT).

26. **Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu:** Không quy định
27. **Đăng ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu:** Cổ phiếu phát hành thêm của Công ty sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và Bộ chứng khoán Việt Nam và được đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

- Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng dự kiến là 500.354.930.000 đồng được dùng để bổ sung vốn đầu tư tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC có sức chứa 75.000 – 80.000 CBM (trọng tải khoảng 45.000 – 50.000 DWT).

Stt	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền giải ngân (VND)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Bổ sung vốn đầu tư tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC có sức chứa 75.000 – 80.000 CBM (trọng tải khoảng 45.000 – 50.000 DWT).	500.354.930.000	Quý 3/2024 – Quý 4/2024

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, để thực hiện những mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tùy vào tình hình thực tế, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các giải pháp như sau:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;
- Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp, các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra.

III. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thực hiện xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chào bán chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Phương án chào bán và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và sẽ báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;
- Lựa chọn thời điểm chào bán cụ thể và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc hoàn thành phương án chào bán, xin phép chào bán và triển khai thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo lợi ích cho cổ đông;
- Lập kế hoạch chi tiết sử dụng vốn và điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thực hiện các thủ tục liên quan đến công bố thông tin theo đúng quy định;
- Thực hiện thủ tục sửa đổi Điều lệ, đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn tất đợt chào bán;
- Chủ động thực hiện phương án xử lý số cổ phiếu không phân phối hết theo hướng bảo đảm quyền lợi cho tất cả cổ đông theo quy định của pháp luật;

- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Thực hiện đăng ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được phát hành theo phương án nêu trên.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án chào bán (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước, tình hình thực tế tại Công ty sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và công ty;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu ra công chúng.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THỊ NGỌC ĐẸP

